



FROM



Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.AZcompletehealth.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Arizona Complete Health, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc kê toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường. Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Áp dụng một số giới hạn về độ tuổi và giới tính.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.
- Bậc 6** - Bảo hiểm cho bậc này dành cho thuốc điều trị ung thư hoặc thuốc chống ung thư. Khoản chia sẻ chi phí được thiết lập tương đương với khoản chia sẻ chi phí quyền lợi y tế của hội viên.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đòi hỏi.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đòi hỏi cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đòi hỏi cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đòi hỏi trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đòi hỏi.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu "**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**" cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRACE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites			HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
METHOTREXATE	6	QL(1.714 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA			
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
Salicylates			<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions					
Opioid Agonists					
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
			<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDIHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BEVESPI AEROSPHERE	2	
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Xanthines		
<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)	<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)	Thrombin Inhibitors		
Heparins And Heparinoid-Like Agents			<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)	ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)	AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)	FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP	FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>clonazepam TABS</i>	1A	
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
			NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
			VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
			VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
			VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>levetiracetam SOLN OR 100 MG/ML, 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)	TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
			<i>topiramate CS24</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Hydantoins		
<i>DILANTIN (phenytoin sodium extended)</i>	2	
<i>DILANTIN</i>	2	
<i>DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)</i>	2	
<i>DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)</i>	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
Succinimides		
<i>CELONTIN (methsuximide)</i>	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ZARONTIN CAPS (ethosuximide)</i>	2	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
<i>EMSAM</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>MARPLAN</i>	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
<i>SPRAVATO 56MG DOSE</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	Serotonin Modulators		
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Tricyclic Agents			<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B		GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
<i>amoxapine</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B		JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>imipramine pamoate</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B		SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>protriptyline hcl</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B		SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar			TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
Alpha-Glucosidase Inhibitors			TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
Antidiabetic Combinations					
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)			
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)			
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	APIDRA SOLN	3	PA
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(1 ea daily)	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
Biguanides			HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
metformin hcl TABS 500 MG	1B	QL(5 ea daily)	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
metformin hcl TABS 850 MG	0	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
metformin hcl TABS 1000 MG	1B	QL(2.5 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
metformin hcl TB24 500 MG	1B	QL(4 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
metformin hcl TB24 750 MG	1B	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
Diabetic Other			INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
diazoxide	3		INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
glucagon (rdna)	1B	QL(0.035 ea daily)	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors			LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
alogliptin benzoate	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
saxagliptin hcl	1B	QL(1 ea daily)	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
Incretin Mimetic Agents			NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA	NOVOLIN R SOLN IJ	2	
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA	Insulin Sensitizing Agents		
VICTOZA (liraglutide)	2	QL(0.3 ml daily); PA	pioglitazone hcl	1B	QL(1 ea daily)
Insulin			Meglitinide Analogues		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
BONJESTA TBCR	3	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSR</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
Antihistamines - Non-Sedating			<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC	<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>loratadine CAPS</i>	1B		<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>loratadine CHEW</i>	1B		<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>loratadine SOLN</i>	1B		Fibric Acid Derivatives		
<i>loratadine TABS</i>	1A		<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>loratadine TBDP</i>	1B		<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
QUZYTIR SOLN IV	3	PA	<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihistamines - Phenothiazines			<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B		HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B		<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B		<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihistamines - Piperidines			<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B		<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B		Antihyperlipidemics - Misc.		
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol					
Antihyperlipidemics - Combinations					
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.					
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Bile Acid Sequestrants			Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B		<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B		Antihypertensives - Misc.		
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B		VECAMEYL	3	PA
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Direct Renin Inhibitors		
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>eplerenone</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	Vasodilators		
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)	Anti-infective Agents - Misc.		
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>bacitracin</i>	3	
			IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>metronidazole TABS</i>	1B	
			<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
			XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
			XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
			Anti-infective Misc. - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
			<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
			<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
			<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
Antimalarials			ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>			Antimycobacterial Agents		
	1B		<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>isoniazid TABS</i>	1B	
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)	PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	PRIFTIN	3	
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3		<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA	<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA	<i>rifampin CAPS</i>	1B	
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS			<i>rifampin SOLR</i>	1B	
Antimyasthenic/Cholinergic Agents			SIRTURO	3	PA
FIRDAPSE	4	PA	TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
			ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
			Alkylating Agents		
			ALKERAN IV (<i>melphalan hcl</i>)	6	
			ALKERAN (<i>melphalan</i>)	6	
			BELRAPZO SOLN	6	
			<i>bendamustine hcl SOLR</i>	6	SP; PA
			BENDAMUSTINE HYDROCHLORIDE SOLN	6	
			BENDEKA SOLN	6	
			BICNU (<i>carbamustine</i>)	6	SP; PA
			<i>busulfan SOLN</i>	6	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BUSULFEX SOLN (busulfan)	6	SP; PA	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	6	SP; PA
carboplatin SOLN 50 MG/5ML	6	SP; PA	oxaliplatin SOLR	6	PA
carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML, 600 MG/60ML	6	PA	TEMODAR CAPS 250 MG (temozolomide)	6	SP; PA
carmustine	6	SP; PA	TEMODAR SOLR	6	SP; PA
cisplatin SOLN 100 MG/100ML	6	SP; PA	temozolomide CAPS	6	SP; PA
cisplatin SOLN 50 MG/50ML, 200 MG/200ML	6	PA	TEPADINA 15 MG (thiotepa)	6	SP; PA
CISPLATIN SOLR	6		TEPADINA 100 MG (thiotepa)	6	PA
cyclophosphamide CAPS	1B	PA	thiotepa 15 MG	6	SP; PA
cyclophosphamide SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML	6		thiotepa 100 MG	6	PA
CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML (cyclophosphamide)	6		TREANDA SOLR (bendamustine hcl)	6	SP; PA
cyclophosphamide SOLR IJ	6	SP; PA	VIVIMUSTA SOLN	6	
EVOMELA IV	6		YONDELIS	6	
GLEOSTINE 10 MG, 40 MG, 100 MG	6	PA	ZANOSAR	6	SP; PA
IFEX SOLR (ifosfamide)	6	SP; PA	ZEPZELCA	6	
IFEX SOLR	6	PA	Antimetabolites		
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	6	SP; PA	ALIMTA SOLR 500 MG (pemetrexed disodium)	6	SP; PA
ifosfamide SOLN 3 GM/60ML	6	PA	ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium)	6	PA
ifosfamide SOLR	6	SP; PA	ARRANON (nelarabine)	6	SP; PA
IFOSFAMIDE SOLR	6	PA	azacitidine SUSR	6	SP; PA
KEMOPLAT SOLN	6	PA	capecitabine	6	SP; PA
LEUKERAN	6	SP; PA	cladribine 10 MG/10ML	6	PA
melphalan	1B		clofarabine	6	SP; PA
melphalan hcl IV	1B		CLOLAR (clofarabine)	6	SP; PA
MYLERAN TABS	6	SP; PA	cytarabine SOLN	6	SP; PA
			cytarabine SOLN 20 MG/ML	6	PA
			decitabine	6	SP; PA
			floxuridine	6	SP; PA
			fludarabine phosphate SOLN	6	SP; PA
			FLUDARABINE PHOSPHATE SOLN	6	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	6	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 100 MG, 750 MG, 1000 MG</i>	6	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	6	SP; PA	<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	6	SP; PA
<i>fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML</i>	6	PA	PEMETREXED SOLN 1 GM/40ML, 100 MG/4ML, 500 MG/20ML	6	PA
FOLOTYN 20 MG/ML	6	SP; PA	PEMFEXY	6	PA
FOLOTYN 40 MG/2ML	6	PA	<i>pralatrexate 40 MG/2ML</i>	6	PA
<i>gemcitabine hcl SOLN</i>	6		<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	6	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLN</i>	6	PA	PURIXAN SUSP	6	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	6	SP; PA	TABLOID	6	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 1 GM</i>	6	PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	6	SP; PA
GEMCITABINE HYDROCHLORIDE SOLN	6		VIDAZA SUSR (<i>azacitidine</i>)	6	SP; PA
GEMCITABINE HYDROCHLORIDE SOLN (<i>gemcitabine hcl</i>)	6		XATMEP SOLN	6	PA
GEMCITABINE HYDROCHLORIDE SOLN (<i>gemcitabine hcl</i>)	6	PA	XELODA (<i>capecitabine</i>)	6	SP; PA
INFUGEM	6		Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		AVASTIN 100 MG/4ML	6	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML</i>	1B		CYRAMZA	6	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 1 GM/40ML, 250 MG/10ML, 1000 MG/40ML</i>	6	PA	FRUZAQLA	6	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		INLYTA	6	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	6	QL(1 ea daily); PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	6	QL(3 ea daily); PA
<i>nelarabine</i>	6	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	6	QL(2 ea daily); PA
ONUREG TABS	6	PA	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	6	QL(3 ea daily); PA
PEMETREXED	6	PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	6	QL(2 ea daily); PA
			LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	6	QL(3 ea daily); PA
			LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	6	QL(1 ea daily); PA
			LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	6	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MVASI	6	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	6	SP; PA
ZALTRAP 200 MG/8ML	6	PA
ZIRABEV	6	PA
Antineoplastic - Antibodies		
ADCETRIS	6	SP; PA
ARZERRA	6	SP; PA
BAVENCIO	6	
BESPONSA	6	
BLNREP	6	
BLINCYTO	6	PA
DARZALEX	6	
EMPLICITI	6	
ENHERTU	6	
GAZYVA	6	PA
IMFINZI	6	
KADCYLA	6	PA
KEYTRUDA	6	PA
LIBTAYO	6	
LUMOXITI	6	
MONJUVI	6	
MYLOTARG	6	
OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	6	PA
PADCEV	6	
POLIVY 140 MG	6	
POTELIGEO	6	
RITUXAN	6	SP; PA
RUXIENCE	6	PA
SARCLISA	6	
TECENTRIQ	6	
TRUXIMA 100 MG/10ML	4	PA
TRUXIMA 500 MG/50ML	6	PA
UNITUXIN	6	
YERVOY	6	SP; PA
ZEVALIN Y-90	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
HERCEPTIN 150 MG	6	SP; PA
HERZUMA	6	
KANJINTI	6	PA
OGIVRI	6	PA
ONTRUZANT	6	
PERJETA	6	SP; PA
TRAZIMERA	6	PA
TUKYSA	6	PA
Antineoplastic - BCL-2 Inhibitors		
VENCLEXTA STARTING PACK TBPK	6	PA
VENCLEXTA TABS	6	PA
Antineoplastic - Cellular Immunotherapy		
TECARTUS	6	
Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
ERBITUX	6	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA
EXKIVITY	6	PA
<i>gefitinib</i>	6	QL(2 ea daily)
GILOTRIF	6	QL(1 ea daily); PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	6	QL(2 ea daily)
LAZCLUZE	6	PA
PORTRAZZA	6	
TAGRISSO 40 MG	6	QL(2 ea daily); PA
TAGRISSO 80 MG	6	QL(1 ea daily); PA
TARCEVA 100 MG, 150 MG (<i>erlotinib hcl</i>)	6	QL(1 ea daily); SP; PA
VECTIBIX 400 MG/20ML	6	PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	6	SP; PA
VIZIMPRO	6	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DAURISMO	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ERIVEDGE	6	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	6	SP; PA
ODOMZO	6	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	6	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	6	SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	6	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	6	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	6	QL(4 ea daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	6	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
AKEEGA	6	PA	LYSODREN	6	SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
ARIMIDEX (<i>anastrozole</i>)	6	QL(1 ea daily)	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
AROMASIN (<i>exemestane</i>)	6	QL(1 ea daily); SP	NILANDRON (<i>nilutamide</i>)	6	QL(2 ea daily)
<i>bicalutamide</i>	6	QL(1 ea daily); SP	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
CAMCEVI	6	PA	NUBEQA	6	QL(4 ea daily); PA
CASODEX (<i>bicalutamide</i>)	6	QL(1 ea daily); SP	ORGOVYX	6	PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	6	SP; PA	ORSERDU	6	PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	6	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	SOLTAMOX SOLN	6	PA
EMCYT	6	SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ERLEADA 60 MG	6	PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
ERLEADA 240 MG	6	QL(1 ea daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	6	
EULEXIN	6	QL(6 ea daily); SP; PA	TRELSTAR MIXJECT	6	SP; PA
<i>exemestane</i>	6	QL(1 ea daily); SP	XTANDI CAPS	6	QL(4 ea daily); SP; PA
FARESTON (<i>toremifene citrate</i>)	6		XTANDI TABS	6	
FEMARA (<i>letrozole</i>)	6		YONSA	6	QL(4 ea daily); PA
FIRMAGON	6	QL(0.143 ea daily); SP; PA	ZOLADEX 10.8 MG	6	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
<i>flutamide</i>	6	QL(6 ea daily); SP; PA	ZOLADEX 3.6 MG	6	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); PA	ZYTIGA 250 MG (<i>abiraterone acetate</i>)	6	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B		ZYTIGA 500 MG (<i>abiraterone acetate</i>)	6	QL(2 ea daily); PA
LEUPROLIDE ACETATE/BUPIVACAINE HYDROCHLORIDE	6		Antineoplastic - Hypoxia-Inducible Factor Inhibitors		
			WELIREG	6	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	6	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	6	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	6	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	6	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	6	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	6	SP; PA
<i>bleomycin sulfate 30 UNIT</i>	6	PA
COSMEGEN (<i>dactinomycin</i>)	6	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	6	SP; PA
<i>daunorubicin hcl SOLN</i>	6	
DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN (<i>daunorubicin hcl</i>)	6	
DOXIL SUSP (<i>doxorubicin hcl liposomal</i>)	6	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	6	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	6	SP; PA
DOXORUBICIN HCL SOLN (<i>doxorubicin hcl</i>)	6	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 50 MG</i>	6	SP; PA
DOXORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN (<i>doxorubicin hcl</i>)	6	SP; PA
ELLENCES SOLN 50 MG/25ML	6	SP; PA
ELLENCES SOLN 200 MG/100ML	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10 MG/10ML (<i>idarubicin hcl</i>)	6	SP; PA
IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML (<i>idarubicin hcl</i>)	6	PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	6	SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	6	PA
JELMYTO SOLR UL	6	
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	6	SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 5 MG, 40 MG</i>	6	PA
MITOMYCIN SOSY 20 MG/40ML	6	
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	6	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	6	SP; PA
<i>valrubicin</i>	6	SP; PA
VALSTAR (<i>valrubicin</i>)	6	SP; PA
Antineoplastic Combinations		
DARZALEX FASPRO	6	
HERCEPTIN HYLECTA	6	
INQOVI	6	
KISQALI FEMARA 200 DOSE	6	PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	6	PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	6	PA
LONSURF	6	PA
OPDUALAG	6	PA
PHESGO	6	
RITUXAN HYCELA	6	PA
VYXEOS	6	
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
AFINITOR DISPERZ TBSO (<i>everolimus</i>)	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AFINITOR TABS (<i>everolimus</i>)	6	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>everolimus</i> TBSO	6	PA
ALECENSA	6	QL(4 ea daily); PA	FOTIVDA	6	
ALIQOPA	6		GAVRETO	6	PA
ALUNBRIG TABS	6	QL(1 ea daily); PA	GLEEVEC (<i>imatinib mesylate</i>)	6	QL(2 ea daily); SP; PA
ALUNBRIG TBPK	6	QL(1 ea daily); PA	IBRANCE CAPS	6	QL(1 ea daily); PA
AUGTYRO	6	PA	IBRANCE TABS	6	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	6	PA	ICLUSIG	6	QL(1 ea daily); PA
BELEODAQ	6	PA	ICLUSIG	6	QL(1 ea daily); PA
BORTEZOMIB SOLN	6	PA	IDHIFA	6	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	6	SP; PA	<i>imatinib mesylate</i>	6	QL(2 ea daily); SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	6	PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	6	QL(3 ea daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IJ 1 MG, 2.5 MG	6	PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	6	QL(1 ea daily); PA
BOSULIF CAPS	6	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	6	QL(8 ml daily); PA
BOSULIF TABS 400 MG	6	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	6	QL(1 ea daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	6	QL(1 ea daily); SP; PA	INREBIC	6	PA
BRAFTOVI 75 MG	6	PA	ISTODAX SOLR (<i>romidepsin</i>)	6	SP; PA
BRUKINSA	6	PA	JAKAFI	6	QL(2 ea daily); SP; PA
CABOMETYX TABS	6	PA	JAYPIRCA	6	PA
CALQUENCE	6	PA	KISQALI	6	PA
CALQUENCE	6	PA	KOSELUGO	6	PA
CAPRELSA	6	QL(1 ea daily); SP; PA	KRAZATI	6	PA
COMETRIQ KIT	6	QL(2 ea daily); SP; PA	KYPROLIS	6	PA
COMETRIQ KIT	6	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	6	QL(6 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	6	QL(3 ea daily); SP; PA	LORBRENA	6	QL(1 ea daily); PA
COPIKTRA	6	PA	LUMAKRAS	6	
COTELLIC	6	PA	LUMAKRAS	6	
<i>dasatinib</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA	LYNPARZA TABS	6	QL(4 ea daily); PA
<i>everolimus</i> TABS	6	QL(1 ea daily); SP; PA	LYTGOBI	6	PA
			MEKINIST SOLR	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MEKINIST TABS	6	PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA
MEKTOVI	6	PA	<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	6	PA
NERLYNX	6	PA	SUTENT 12.5 MG, 25 MG, 50 MG (<i>sunitinib malate</i>)	6	QL(1 ea daily); SP; PA
NEXAVAR (<i>sorafenib tosylate</i>)	6	QL(4 ea daily); SP; PA	SUTENT 37.5 MG (<i>sunitinib malate</i>)	6	PA
NINLARO	6	QL(0.143 ea daily); PA	TABRECTA	6	PA
OGSIVEO	6	PA	TAFINLAR CAPS	6	PA
OJEMDA SUSR	6	PA	TAFINLAR TBSO	6	PA
OJEMDA TABS	6	PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	6	QL(1 ea daily); PA
OJJAARA	6	PA	TALZENNA 0.1 MG, 0.35 MG	6	PA
<i>pazopanib hcl</i>	6	QL(4 ea daily); SP; PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	6	QL(1 ea daily); PA
PEMAZYRE	6	QL(1 ea daily); PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	6	QL(4 ea daily); SP; PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	6	PA	TASIGNA 50 MG	6	QL(4 ea daily); PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	6	PA	TAZVERIK	6	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	6	PA	<i>temsirolimus</i>	6	QL(0.143 ml daily); SP; PA
QINLOCK	6	PA	TEPMETKO	6	PA
RETEVMO CAPS	6	PA	TIBSOVO	6	PA
RETEVMO TABS	6	PA	TORISEL (<i>temsirolimus</i>)	6	QL(0.143 ml daily); SP; PA
REZLIDHIA	6	PA	TRUQAP TABS	6	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	6	SP; PA	TRUQAP TBPk	6	PA
ROZLYTREK CAPS	6	PA	TRUSELTIQ	6	
ROZLYTREK PACK	6	PA	TURALIO	6	PA
RUBRACA	6	QL(4 ea daily); PA	TURALIO	6	AC; PA
RYDAPT	6	PA	TYKERB (<i>lapatinib ditosylate</i>)	6	QL(6 ea daily); SP; PA
SCEMBLIX 20 MG	6	QL(2 ea daily); PA	VANFLYTA	6	PA
SCEMBLIX 100 MG	6	QL(4 ea daily); PA	VELCADE SOLR IJ (<i>bortezomib</i>)	6	SP; PA
SCEMBLIX 40 MG	6	QL(10 ea daily); PA	VERZENIO	6	PA
<i>sorafenib tosylate</i>	6	QL(4 ea daily); SP; PA	VITRAKVI CAPS	6	PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	6	QL(1 ea daily); SP; PA	VITRAKVI SOLN	6	PA
STIVARGA	6	QL(4 ea daily); SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VONJO	6	QL(4 ea daily); PA	<i>bexarotene</i>	6	SP; PA
VORANIGO	6	PA	<i>dacarbazine SOLR 100 MG</i>	6	PA
VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	6	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	6	SP; PA
XALKORI CAPS	6	QL(2 ea daily); SP; PA	ELZONRIS	6	
XALKORI CPSP	6	QL(2 ea daily); PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
XOSPATA	6	PA	MATULANE	6	SP; PA
ZEJULA CAPS	6	QL(3 ea daily); PA	NIPENT	6	SP; PA
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	6	QL(1 ea daily); PA	PHOTOFRIN	6	SP; PA
ZEJULA TABS 100 MG	6	QL(3 ea daily); PA	PROLEUKIN	6	SP; PA
ZELBORAF	6	SP; PA	SYNRIBO	6	SP; PA
ZOLINZA	6	QL(4 ea daily); SP; PA	TARGRETIN (<i>bexarotene</i>)	6	SP; PA
ZYDELIG	6	QL(2 ea daily); PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
ZYKADIA TABS	6		TRISENOX (<i>arsenic trioxide</i>)	6	
Antineoplastic Enzymes			UVADEX	6	SP; PA
ASPARLAS	6		Chemotherapy Adjuncts		
ONCASPAR	6	SP; PA	ELITEK	6	PA
Antineoplastic Radiopharmaceuticals			KEPIVANCE 6.25 MG	6	SP; PA
AZEDRA DOSIMETRIC	6		Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
AZEDRA THERAPEUTIC	6		<i>dexrazoxane hcl</i>	6	PA
LUTATHERA	6		ETHYOL	6	
PLUVICTO	6	PA	IWILFIN	6	PA
STRONTIUM CHLORIDE SR-89	6	PA	KHAPZORY	6	
XOFIGO	6	PA	<i>leucovorin calcium SOLN IJ 500 MG/50ML</i>	6	
Antineoplastics Misc.			<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	6	SP; PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
ALFERON N	6	PA	<i>levoleucovorin calcium SOLN 250 MG/25ML</i>	6	
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	6	SP; PA	<i>levoleucovorin calcium SOLN 175 MG/17.5ML</i>	6	PA
<i>arsenic trioxide 12 MG/6ML</i>	6		<i>levoleucovorin calcium SOLR</i>	6	PA
			<i>mesna SOLN</i>	6	PA
			MESNEX SOLN (<i>mesna</i>)	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MESNEX TABS	6	PA	JEVTANA	6	SP; PA
TOTECT	6	PA	<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	6	SP; PA
VORAXAZE	6	SP; PA	<i>paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300 MG/50ML</i>	6	PA
Mitotic Inhibitors			<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	6	SP; PA
ABRAXANE	6	SP; PA	PACLITAXEL PROTEIN-BOUND PARTICLES	6	SP; PA
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	6	SP; PA	<i>vinblastine sulfate SOLN</i>	6	PA
<i>docetaxel CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML</i>	6	PA	<i>vincristine sulfate</i>	6	SP; PA
DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML	6	PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	6	SP; PA
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML	6	SP; PA	<i>vinorelbine tartrate 50 MG/5ML</i>	6	PA
DOCETAXEL CONC 20 MG/ML (<i>docetaxel</i>)	6	SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors		
DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML (<i>docetaxel</i>)	6	PA	CAMPTOSAR 300 MG/15ML (<i>irinotecan hcl</i>)	6	PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	6	SP; PA	CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML (<i>irinotecan hcl</i>)	6	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML</i>	6	PA	HYCAMTIN CAPS	6	SP; PA
DOCETAXEL SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML (<i>docetaxel</i>)	6	PA	HYCAMTIN SOLR (<i>topotecan hcl</i>)	6	SP; PA
DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML (<i>docetaxel</i>)	6	SP; PA	<i>irinotecan hcl 300 MG/15ML, 500 MG/25ML</i>	6	PA
DOCIVYX SOLN 20 MG/2ML	6	SP; PA	<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	6	SP; PA
DOCIVYX SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML	6	PA	ONIVYDE	6	
<i>eribulin mesylate</i>	6	SP; PA	<i>topotecan hcl SOLN</i>	6	PA
ETOPOPHOS	6	SP; PA	TOPOTECAN HCL SOLN	6	PA
<i>etoposide CAPS</i>	6	SP; PA	<i>topotecan hcl SOLR</i>	6	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	6	SP; PA	TRODELVY	6	
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	6	SP; PA	ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
IXEMPRA KIT 15 MG	6	SP; PA	Antiparkinson Adjunctive Therapy		
IXEMPRA KIT 45 MG	6	PA	<i>carbidopa</i>	1B	
			Antiparkinson Anticholinergics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS 1 MG</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1B	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)	PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)	PREZISTA TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>(darunavir)</i>	3	QL(1 ea daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	PREZISTA TABS 800 MG	3	QL(1 ea daily)
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)	<i>(darunavir)</i>	3	QL(1 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)	<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)	RUKOBIA	4	PA
JULUCA	3	QL(1 ea daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
			TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
			TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
			TYBOST	3	QL(1 ea daily)
			VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
			VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)	<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)	<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	Influenza Agents		
CMV Agents			<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>cidofovir</i>	3		<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B		RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
Hepatitis Agents			BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Alpha-Beta Blockers		
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA	<i>carvedilol</i>	1B	
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA	<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP	<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA	Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)	<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)	<i>atenolol TABS</i>	1B	
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>betaxolol hcl</i>	1B	
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA			
Herpes Agents					
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)			
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)			
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B		<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B		<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
Beta Blockers Non-Selective			<i>felodipine</i>	1B	
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA	<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B		<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B		<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B		<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B		<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B		<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B		<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
Calcium Channel Blockers			<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B		CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Cardiac Glycosides		
			<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
			<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS (<i>ivabradine hcl</i>)	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NATAZIA	0		Progestin Contraceptives - Injectable		
NEXTSTELLIS	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)
norethin acet & estrad-fe CAPS	0		medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)
norethin acet & estrad-fe CHEW	0		medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)
norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	0		Progestin Contraceptives - Oral		
norethindrone & eth estradiol	0		norethindrone (contraceptive)	0	
norethindrone & ethinyl estradiol-fe	0		OPILL	0	
norethindrone acet & eth estra TABS	0		SLYND	0	QL(1 ea daily)
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	0		CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
norethindrone-eth estradiol (triphasic)	0		Glucocorticosteroids		
norgestimate-ethinyl estradiol	0		budesonide CPEP	1B	QL(3 ea daily)
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	0		deflazacort SUSP	4	PA
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	0		deflazacort TABS	4	PA
TYBLUME CHEW	0		DEPO-MEDROL SUSP	3	
Combination Contraceptives - Transdermal			DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
norelgestromin-ethinyl estradiol	0		dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	1B	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail)	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	1B	
Combination Contraceptives - Vaginal			dexamethasone ELIX	1B	
ANNOVERA	0		dexamethasone SOLN	1B	
etonogestrel-ethinyl estradiol	0	QL(0.05 ea daily)	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	1A	
Emergency Contraceptives			dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	1B	
ELLA	0		EMFLAZA SUSP (deflazacort)	4	PA
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMFLAZA TABS (deflazacort)	4	PA
hydrocortisone sod succinate 100 MG	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
hydrocortisone TABS	1B	
MEDROL TABS	3	
methylprednisolone acetate SUSP	1B	
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	1B	
methylprednisolone TABS	1B	
methylprednisolone TBPK	1B	
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	1B	
prednisolone sodium phosphate TBDP	3	
prednisolone SOLN	1B	
prednisolone TABS	1B	
prednisone SOLN	1B	
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	1A	
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	1B	
prednisone TBPK	1B	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	1B	
Mineralocorticoids		
fludrocortisone acetate TABS	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antitussives		
benzonatate 150 MG	1B	QL(4 ea daily)
benzonatate 100 MG	1B	QL(6 ea daily)
benzonatate 200 MG	1B	QL(3 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	1B	
Mucolytics		
acetylcysteine SOLN	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
adapalene CREA	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
adapalene GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
benzoyl peroxide-erythromycin GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Antibiotics - Topical		
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
DIFFERIN LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Antifungals - Topical		
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)	<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)			
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)			
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC			
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)			
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B				
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)	OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>tavorole</i>	1B	PA
<i>luliconazole</i>	1B	PA	Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>bexarotene (topical)</i>	6	SP; PA
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	CARAC CREA (<i>fluorouracil (topical)</i>)	6	PA
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluorouracil (topical) SOLN 2 %</i>	1B	QL(2 ml daily)
			<i>fluorouracil (topical) SOLN 5 %</i>	1B	QL(2 ml daily); PA
			LEVULAN KERASTICK SOLR	6	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PANRETIN	6	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
TARGRETIN (<i>bexarotene (topical)</i>)	6	SP; PA	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
VALCHLOR	6	PA	STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
Antipruritics - Topical			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
Antipsoriatics			TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	Antiseborrheic Products		
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	Antivirals - Topical		
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	Burn Products		
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	SULFAMYLON CREA	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	Corticosteroids - Topical		
			<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
			<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA
<i>amcinonide LOTN</i>	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
			<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
			<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
			<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
HALOG OINT	3	PA
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (<i>teriparatide</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Suppressants		
FENSOLVI SC	6	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	6	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	6	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (<i>octreotide acetate</i>)	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
MOTEGRITY	3	PA
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -		
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>folic acid TABS</i>	0		Iron		
Hematopoietic Growth Factors			<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA	<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP	<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA	Stem Cell Mobilizers		
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA	MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA	<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA	HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
MIRCERA 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 120 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA	Hemostatics - Systemic		
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA	<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
NYVEPRIA	4	PA	<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
PROCRIT	4	SP; PA	<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
PROCRIT	4	SP; PA	HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA	Barbiturate Hypnotics		
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
RETACRIT	4	PA	<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA	Hypnotics - Tricyclic Agents		
UDENYCA SOAJ	4	PA	<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
UDENYCA SOSY	4	PA	Non-Barbiturate Hypnotics		
ZARXIO	4	PA	<i>estazolam</i>	1B	
ZIEXTENZO	4	PA	<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
Hematopoietic Mixtures			<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quazepam</i>	3	PA
			<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
			<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>triazolam</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>tasimelteon CAPS</i>	3	QL(1 ea daily); PA
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Fidaxomicin			KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DIFICID TABS	2		KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Contraceptives			KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 ea daily)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 ea daily)	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 ea daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUE COVER DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC DEVICE

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
Parenteral Therapy Supplies		
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)
Migraine Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-S	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>lactated ringer's</i>	1B	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-M/D5W	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-R	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES			PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B	
Bicarbonates			<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B		<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
Calcium			POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
Electrolyte Mixtures			<i>ringer's</i>	1B	
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		Fluoride		
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>electrolyte-a</i>	1B				
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide 20 MG</i>	6	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA
REVLIMID 20 MG	6	QL(1 ea daily); PA
REVLIMID 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	6	QL(1 ea daily); SP; PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Lymphatic Agents		
SYLVANT	6	PA
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS -		
Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL -		
Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>budesonide (nasal)</i>	1B		<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 package(s) per fill retail	<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC	<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC	<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B		Cycloplegic Mydriatics		
XHANCE EXHU	3	PA	<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles			<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
ALS Agents			Miotics		
<i>riluzole TABS</i>	3		<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins			Ophthalmic Adrenergic Agents		
XEOMIN	3	PA	<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
Nondepolarizing Muscle Relaxants			<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA	IOPIDINE	3	
NUTRIENTS			Ophthalmic Anti-infectives		
Proteins			AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3		<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3		BESIVANCE	3	PA
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3		<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye			<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
Beta-blockers - Ophthalmic			<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B		<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B		<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
			<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B		PRED MILD	3	PA
NATACYN	2		PRED-G SUSP	3	PA
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B		<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B		ZYLET	3	PA
<i>trifluridine</i>	1B		Ophthalmics - Misc.		
ZIRGAN GEL	2		ALOCRIAL	3	PA
Ophthalmic Immunomodulators			ALOMIDE	3	PA
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>proparacaine hcl</i>	1B		<i>brinzolamide</i>	1B	
Ophthalmic Steroids			<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA	<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)	CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>difluprednate</i>	1B	PA	<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B		<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA	<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
FML OINT	3	PA	<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
LOTEMAX OINT	3	PA	<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA	<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA	LASTACRAFT	3	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA	NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B		<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B		<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	Prostaglandins - Ophthalmic		
			<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
			<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
			<i>tafluprost</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
LUCEMYRA (<i>lofexidine hcl</i>)	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	6	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA	<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA	<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
TRIKAFTA TBPB	4	QL(3 ea daily); PA	<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
Pleural Sclerosing Agents			<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
SCLEROSOL INTRAPLEURAL AERP	6	PA	<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
STERILE TALC POWDER SUSR	6	PA	<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Pulmonary Fibrosis Agents			<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA	THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
<i>pirfenidone CAPS</i>	4		Antithyroid Agents		
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA	<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4		<i>propylthiouracil</i>	1B	
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections			Thyroid Hormones		
Sulfonamides			ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B		ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
Fluorocyclines			<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
XERAHA	4	PA	<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
Glycylcyclines			NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>tigecycline</i>	1B		NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
Tetracyclines			NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B		NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
			SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
			TOXOIDS		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
KINRIX SUSY	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
BCG VACCINE	6	PA
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
COMIRNATY SUSP	0	
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
HAVRIX	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6 M-4Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/B A.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
ROTATEQ SOLN	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	34	acyclovir CAPS	36	AFSTYLA	53
abacavir sulfate TABS	34	acyclovir SUSP	36	AIMOVIG	58
abacavir sulfate-lamivudine	34	acyclovir TABS OR	36	AIMSCO LUBRICATED MISC	56
ABELCET	18	acyclovir topical CREA	44	AKEEGA	27
abiraterone acetate 250 MG	27	acyclovir topical OINT	44	AKYNZEO	18
abiraterone acetate 500 MG	27	ADACEL SUSP	69	albendazole	7
ABRAXANE	32	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate AERS	9
ABRYSVO	70	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	10
acamprosate calcium	66	adapalene CREA	41	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	9
acarbose	15	adapalene GEL	41	albuterol sulfate SYRP	10
acebutolol hcl CAPS	36	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	41	albuterol sulfate TABS	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADCETRIS	26	alclometasone dipropionate CREA	44
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	36	alclometasone dipropionate OINT	44
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADEMPAS	38	ALDURAZYME	50
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ...	68	ALECENSA	29
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADVATE	53	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	49
acetazolamide CP12	48	ADYNOVATE	53	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	49
acetazolamide sodium	48	AFINITOR DISPERZ TBSO (everolimus)	28	ALFERON N	31
acetazolamide TABS 125 MG	48	AFINITOR TABS (everolimus)	29	alfuzosin hcl	52
acetazolamide TABS 250 MG	48	AFLURIA 2024-2025 SUSP	70	ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium)	24
acetic acid (otic)	65	AFLURIA 2024-2025 SUSY	70	ALIMTA SOLR 500 MG (pemetrexed disodium)	24
acetic acid 0.25 %	52	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	70	ALINIA SUSR	22
acetylcysteine SOLN	41	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	70	ALIQOPA	29
acitretin 10 MG, 17.5 MG	44	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	70	aliskiren fumarate	21
acitretin 25 MG	44	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	70	ALKERAN (melphalan)	23
ACTHAR GEL	49			ALKERAN IV (melphalan hcl)	23
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	31				

allopurinol 100 MG, 300 MG	53	amcinonide LOTN	45	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	65
almotriptan malate 12.5 MG	58	amcinonide OINT	45	amoxicillin TABS	65
almotriptan malate 6.25 MG	58	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	69
ALOCRIL	64	amiloride & hydrochlorothiazide	48	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1
alogliptin benzoate	16	amiloride hcl TABS	48	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG	1
alogliptin-metformin hcl	15	aminocaproic acid TABS	54	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15	aminophylline SOLN	10	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	8	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALOMIDE	64	amiodarone hcl TABS	8	amphotericin b IV	18
alosetron hcl	52	amitriptyline hcl TABS	15	amphotericin b liposome	18
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine besylate TABS	37	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM	66
alprazolam TABS 2 MG	8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	38	ampicillin CAPS 500 MG	65
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-benazepril hcl	20	ampicillin sodium IJ 1 GM	65
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	anagrelide hcl	53
ALPROLIX	53	amlodipine besylate-valsartan	20	anastrozole	27
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	64	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALTABAX	42	amoxapine	15		
ALTUVIIIIO	53	amoxicillin & pot clavulanate CHEW	65		
ALUNBRIG TABS	29	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	65		
ALUNBRIG TBPK	29	amoxicillin & pot clavulanate TABS	65		
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12	66		
alvimopan	52	amoxicillin CAPS	65		
amantadine hcl CAPS	33	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG	65		
amantadine hcl SOLN	33	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	65		
amantadine hcl TABS	33				
ambrisentan	38				
amcinonide CREA	45				

ANNOVERA	40	ARRANON (nelarabine)	24	ATROVENT HFA	9
ANORO ELLIPTA	10	arsenic trioxide 10 MG/10ML	31	AUGTYRO	29
ANZEMET TABS 50 MG	17	arsenic trioxide 12 MG/6ML	31	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK	66
APIDRA SOLN	16	ARZERRA	26	AUSTEDO TABS	66
APIDRA SOLOSTAR SOPN	16	ascorbic acid SOLN IJ	74	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	66
apomorphine hydrochloride SOCT	33	asenapine maleate 2.5 MG	34	AUSTEDO XR TB24	66
apraclonidine hcl	63	asenapine maleate 5 MG, 10 MG	34	avanafil	38
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	18	ASPARLAS	31	AVASTIN 100 MG/4ML	25
aprepitant CAPS 80 MG	18	aspirin CHEW	5	AVONEX PEN AJKT	67
aprepitant CAPS	18	aspirin TABS 325 MG	5	AVONEX PSKT	67
aprepitant MISC	18	aspirin TBEC 325 MG	5	AYVAKIT	28
APTIOM	12	aspirin TBEC 81 MG	5	azacitidine SUSR	24
APTIVUS CAPS	34	aspirin-dipyridamole	53	AZASITE	63
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	54	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	34	AZATHIOPRINE	60
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	54	atazanavir sulfate CAPS 200 MG	34	azathioprine TABS	60
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	54	atenolol & chlorthalidone	20	AZEDRA DOSIMETRIC	31
ARCALYST	3	atenolol TABS	36	AZEDRA THERAPEUTIC	31
AREXVY	70	ATGAM	60	azelaic acid GEL	47
arformoterol tartrate	10	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	azelastine hcl (ophth)	64
ARIKAYCE	2	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	azelastine hcl	62
ARIMIDEX (anastrozole)	27	atorvastatin calcium TABS	19	AZELEX	41
aripiprazole SOLN OR	34	atovaquone	22	azithromycin PACK	55
aripiprazole TABS	34	atovaquone-proguanil hcl	22	azithromycin SOLR	55
armodafinil	1	atracurium besylate 100 MG/10ML 63		azithromycin SUSR	55
ARMOUR THYROID TABS	68	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	69	azithromycin TABS 250 MG	55
ARNUITY ELLIPTA	9	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	69	azithromycin TABS 500 MG	55
AROMASIN (exemestane)	27			azithromycin TABS 600 MG	55
				aztreonam 1 GM	22
				bacitracin (ophthalmic)	63

bacitracin	21	benzonatate 100 MG	41	BETASERON KIT	67
baclofen TABS	62	benzonatate 150 MG	41	betaxolol hcl (ophth) SOLN	63
BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	39	benzonatate 200 MG	41	betaxolol hcl	36
balsalazide disodium CAPS	51	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	42	bethanechol chloride 25 MG	70
BALVERSA	29	benzoyl peroxide GEL 10 %	42	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	70
BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) . 12		benzoyl peroxide GEL 5 %	42	BEVESPI AEROSPHERE	10
BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) . 12		benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	42	bexarotene (topical)	43
BARACLUDE SOLN	36	benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 41		bexarotene	31
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16	benztropine mesylate SOLN	33	bicalutamide	27
BAVENCIO	26	benztropine mesylate TABS	33	BICNU (carmustine)	23
BAXDELA SOLR	51	bepotastine besilate	64	BIKTARVY	34
BAXDELA TABS	51	BESIVANCE	63	bimatoprost SOLN	64
BCG VACCINE	70	BESPONSA	26	bisacodyl SUPP	55
BELEODAQ	29	betaine	50	bisacodyl TBEC	55
BELRAPZO SOLN	23	betamethasone dipropionate (topical) CREA	45	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20
BELSOMRA	55	betamethasone dipropionate (topical) LOTN	45	bisoprolol fumarate	37
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20	betamethasone dipropionate (topical) OINT	45	BLENREP	26
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20	betamethasone dipropionate augmented CREA	45	bleomycin sulfate 15 UNIT	28
benazepril hcl	20	betamethasone dipropionate augmented LOTN	45	bleomycin sulfate 30 UNIT	28
bendamustine hcl SOLR	23	betamethasone dipropionate augmented OINT	45	BLINCYTO	26
BENDAMUSTINE HYDROCHLORIDE SOLN	23	betamethasone valerate CREA ...	45	BONJESTA TBCR	18
BENDEKA SOLN	23	betamethasone valerate FOAM ...	45	BOOSTRIX SUSP	69
BENEFIX KIT	53	betamethasone valerate LOTN ...	45	BOOSTRIX SUSY	69
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 41		betamethasone valerate OINT	45	BORTEZOMIB SOLN	29
BENZEPRO FOAM 5.3 %	41			BORTEZOMIB SOLR IJ 1 MG, 2.5 MG	29
				bortezomib SOLR IJ	29
				BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	29
				bosentan TABS 125 MG	38
				bosentan TABS 62.5 MG	38

BOSULIF CAPS	29	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	29	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6
BOSULIF TABS 400 MG	29	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	butenafine hcl	42
BRAFTOVI 75 MG	29	buprenorphine PTWK	7	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7
BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	10	bupropion hcl (smoking deterrent)	67	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7
BREO ELLIPTA	10	bupropion hcl TABS	13	cabergoline	50
BREZTRI AEROSPHERE	10	bupropion hcl TB12 100 MG	13	CABLIVI	53
BRILINTA	53	bupropion hcl TB12 150 MG	13	CABOMETYX TABS	29
brimonidine tartrate (topical)	47	bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene CREA	44
brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	63	bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene OINT	44
brimonidine tartrate-timolol maleate .	63	bupropion hcl TB24 150 MG	13	calcipotriene SOLN	44
brinzolamide	64	bupropion hcl TB24 300 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	45
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	12	buspirone hcl 5 MG	8	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	45
BRIVIACT TABS	12	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitonin (salmon) NA	49
bromfenac sodium (ophth)	64	busulfan SOLN	23	calcitriol (topical)	44
bromocriptine mesylate CAPS	33	BUSULFEX SOLN (busulfan)	24	calcitriol CAPS	50
bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	33	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4	calcitriol SOLN IV	50
BRUKINSA	29	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	52
budesonide (inhalation) SUSP	9	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	52
budesonide (intrarectal)	7	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	59
budesonide (nasal)	63	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium polycarbophil TABS	55
budesonide CPEP	40	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	CALQUENCE	29
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CAMCEVI	27
bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	48			CAMPTOSAR 300 MG/15ML (irinotecan hcl)	32
bumetanide TABS	48			CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML (irinotecan hcl)	32
buprenorphine hcl SOLN	7				
buprenorphine hcl SUBL	7				

candesartan cilexetil	20	carteolol hcl (ophth)	63	cefuroxime sodium IJ 750 MG	39
candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	carvedilol	36	celecoxib	4
capecitabine	24	carvedilol phosphate	36	CELONTIN (methsuximide)	13
CAPRELSA	29	CASODEX (bicalutamide)	27	cephalexin CAPS	39
captopril 12.5 MG	20	casprofungin acetate	18	cephalexin SUSR	39
captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG ..	20	CAYA DPRH	56	CERDELGA	53
CARAC CREA (fluorouracil (topical)) 43		cefaclor CAPS	39	CEREZYME 400 UNIT	53
carbamazepine CHEW 100 MG ...	12	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	39	cetirizine hcl TABS	19
carbamazepine CP12 100 MG	12	cefadroxil CAPS	39	cevimeline hcl	61
carbamazepine CP12 200 MG	12	cefadroxil SUSR	39	CHEMET	17
carbamazepine CP12 300 MG	12	cefadroxil TABS	39	CHEMSTRIP-K STRP	47
carbamazepine SUSP	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	39	chloramphenicol sodium succinate 22	
carbamazepine TABS	12	cefdinir CAPS	39	chlordiazepoxide hcl CAPS	8
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefdinir SUSR	39	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	69
carbamazepine TB12 200 MG	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	39	chlordiazepoxide-amitriptyline	66
carbidopa	32	cefixime CAPS	39	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	61
carbidopa-levodopa TABS	33	cefixime SUSR	39	chloroquine phosphate TABS 250 MG	23
carbidopa-levodopa TBCR	33	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	39	chloroquine phosphate TABS 500 MG	23
carbidopa-levodopa TBDP	33	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	39	chlorpromazine hcl SOLN	34
carbidopa-levodopa-entacapone ..	33	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	39	chlorpromazine hcl TABS	34
carbinoxamine maleate SOLN	18	cefpodoxime proxetil SUSR	39	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	48
carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18		cefpodoxime proxetil TABS	39	chlorzoxazone TABS 500 MG	62
carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML, 600 MG/60ML	24	cefprozil SUSR	39	chlorzoxazone TABS 750 MG	62
carboplatin SOLN 50 MG/5ML	24	cefprozil TABS	39	CHOLBAM	51
carisoprodol TABS	62	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	39	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	74
carmustine	24	ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	39		
		ceftriaxone sodium IJ 250 MG	39		
		cefuroxime axetil TABS	39		

cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	74	MG/200ML	24	MG/60ML	22
cholestyramine light PACK	19	CISPLATIN SOLR	24	clindamycin phosphate vaginal CREA	73
cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide SOLN ...	14	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	42
cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	14	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	42
cholestyramine POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	14	clindamycin phosphate-tretinoin ..	42
choline fenofibrate	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	14	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 63	
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 49		cladribine 10 MG/10ML	24	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 63	
ciclopirox GEL	43	clarithromycin SUSR	55	CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 63	
ciclopirox olamine CREA	42	clarithromycin TABS	55	clobazam SUSP	11
ciclopirox olamine SUSP	42	clarithromycin TB24	55	clobazam TABS	11
ciclopirox SHAM	43	CLASSIC PRENATAL TABS	61	clobetasol propionate CREA 0.05 % .	45
ciclopirox SOLN	43	clemastine fumarate SYRP	18	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	45
cidofovir	36	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18	clobetasol propionate FOAM	45
cilostazol	53	CLIMARA PRO	50	clobetasol propionate GEL 0.05 %	45
CIMDUO	34	clindamycin hcl	22	clobetasol propionate OINT 0.05 %	45
cimetidine TABS	69	clindamycin palmitate hydrochloride .	22	clocortolone pivalate	45
cinacalcet hcl	50	clindamycin phosphate (topical) FOAM	42	clofarabine	24
CIPRO SUSR	51	clindamycin phosphate (topical) GEL	42	CLOLAR (clofarabine)	24
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	63	clindamycin phosphate (topical) LOTN	42	clomiphene citrate TABS	49
ciprofloxacin hcl (otic)	65	clindamycin phosphate (topical) SOLN	42	clomipramine hcl	15
ciprofloxacin hcl TABS	51	clindamycin phosphate (topical) SWAB	42	clonazepam TABS	11
ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	51	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000		clonidine hcl (adhd) TB12	1
ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	51			clonidine hcl TABS	20
ciprofloxacin-dexamethasone	65				
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .	65				
cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	24				
cisplatin SOLN 50 MG/50ML, 200					

clonidine PTWK	20	COMIRNATY SUSP	70	cyclophosphamide SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML	24
clopidogrel bisulfate 300 MG	53	COMPLERA	34	cyclophosphamide SOLR IJ	24
clopidogrel bisulfate 75 MG	53	CONTRACE	1	cycloserine	23
clorazepate dipotassium TABS	8	COPIKTRA	29	cyclosporine (ophth) EMUL	64
clotrimazole (topical) CREA	43	CORDRAN TAPE	45	cyclosporine CAPS	60
clotrimazole (topical) SOLN	43	CORLANOR SOLN	38	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	60
clotrimazole	61	CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 38		cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	60
clotrimazole vaginal CREA 1 %	73	CORTISPORIN-TC	65	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML	60
clotrimazole w/ betamethasone CREA	43	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	44	CYLTEZO AJKT	3
clotrimazole w/ betamethasone LOTN	43	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	44	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	3
clozapine TABS	34	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	44	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3
clozapine TBDP 100 MG	34	COSENTYX UNOREADY SOAJ	44	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 34		COSMEGEN (dactinomycin)	28	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3
clozapine TBDP 25 MG	34	COTELLIC	29	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT ...	3
COARTEM	23	CREON CPEP	48	cyproheptadine hcl SYRP	19
codeine sulfate TABS 30 MG	5	CRESEMBA CAPS 186 MG	18	cyproheptadine hcl TABS	19
CODEINE SULFATE TABS	5	cromolyn sodium (ophth)	64	CYRAMZA	25
colchicine TABS	53	cromolyn sodium NEBU	9	CYSTAGON CAPS	52
colchicine w/ probenecid	53	crotamiton LOTN	47	CYSTARAN	64
colesevelam hcl PACK	19	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	61	cytarabine SOLN 20 MG/ML	24
colesevelam hcl TABS	19	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	53	cytarabine SOLN	24
colestipol hcl GRAN	19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	62	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	
colestipol hcl TABS	19	cyclophosphamide CAPS	24	dacarbazine SOLR 100 MG	31
COMETRIQ KIT	29	CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML (cyclophosphamide)	24		
COMIRNATY 2023-24 SUSP	70				
COMIRNATY 2023-24 SUSY	70				
COMIRNATY 2024-25 SUSY	70				

dacarbazine SOLR 200 MG	31	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	51	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14
dactinomycin	28	DELSTRIGO	35	dexamethasone ELIX	40
dalfampridine	67	demeclocycline hcl TABS	68	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	40
danazol CAPS	7	DEPO-ESTRADIOL	51	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	64
dantrolene sodium CAPS	62	DEPO-MEDROL SUSP	40	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	40
dapagliflozin propanediol	17	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	40	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	40
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	15	desipramine hcl TABS	15	dexamethasone SOLN	40
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	15	desloratadine TABS	19	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	40
dapsone	22	desloratadine TBDP 2.5 MG	19	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	40
daptomycin 500 MG	22	desmopressin acetate SOLN IJ	50	dexchlorpheniramine maleate SOLN	18
darifenacin hydrobromide	70	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	50	dexlansoprazole	69
darunavir TABS 600 MG	34	desmopressin acetate spray	50	dexmethylphenidate hcl CP24	2
darunavir TABS 800 MG	35	desmopressin acetate spray refrigerated	50	dexmethylphenidate hcl TABS	2
DARZALEX	26	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 50	50	dexrazoxane hcl	31
DARZALEX FASPRO	28	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 50	50	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
dasatinib	29	desogestrel & ethinyl estradiol	39	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1
daunorubicin hcl SOLN	28	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	39	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	1
DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN (daunorubicin hcl)	28	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	39	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1
DAURISMO	26	desonide CREA	45	dextrose in lactated ringers	59
DEBACTEROL	61	desonide LOTN	45	DIACOMIT CAPS 250 MG	12
decitabine	24	desonide OINT	45	DIACOMIT CAPS 500 MG	12
deferasirox PACK	17	desoximetasone CREA 0.25 %	45		
deferasirox TABS	17	desoximetasone GEL	45		
deferasirox TBSO	17	desoximetasone OINT 0.25 %	45		
deferiprone TABS 500 MG	17	desvenlafaxine succinate 100 MG	14		
deflazacort SUSP	40				
deflazacort TABS	40				

DIACOMIT PACK 250 MG	12	MCG	37	diphenoxylate w/ atropine LIQD	17
DIACOMIT PACK 500 MG	12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ		diphenoxylate w/ atropine TABS	17
diazepam (anticonvulsant) GEL	11	1 MG/ML	58	dipyridamole	53
diazepam CONC	8	dihydroergotamine mesylate SOLN		disopyramide phosphate CAPS	8
diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8	NA 4 MG/ML	58	disulfiram	66
diazepam TABS	8	DILANTIN (phenytoin sodium		divalproex sodium TB24	13
diazoxide	16	extended)	13	divalproex sodium TBEC	13
dichlorphenamide	48	DILANTIN	13	DOCETAXEL CONC 20 MG/ML	
diclofenac epolamine PTCH EX	43	(phenytoin)	13	(docetaxel)	32
diclofenac potassium TABS 50 MG	4	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	13	docetaxel CONC 20 MG/ML	32
diclofenac sodium (actinic keratoses)		diltiazem hcl coated beads CP24	120	DOCETAXEL CONC 20 MG/ML	32
EX	43	MG, 300 MG, 360 MG	37	DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML,	
diclofenac sodium (ophth)	64	diltiazem hcl coated beads CP24	180	160 MG/8ML (docetaxel)	32
diclofenac sodium (topical) GEL EX	43	MG, 240 MG	37	docetaxel CONC 80 MG/4ML, 160	
diclofenac sodium TB24	4	diltiazem hcl CP12	37	MG/8ML	32
diclofenac sodium TBEC	4	diltiazem hcl CP24	37	DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML,	
diclofenac w/ misoprostol TBEC	4	diltiazem hcl extended release beads	37	160 MG/8ML	32
dicloxacillin sodium	66	37	DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML	
dicyclomine hcl CAPS	69	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML	37	(docetaxel)	32
dicyclomine hcl SOLN OR	69	DILTIAZEM HCL SOLR	37	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	32
dicyclomine hcl TABS	69	diltiazem hcl TABS	37	DOCETAXEL SOLN 80 MG/8ML,	
DIFFERIN LOTN	42	diltiazem hcl TB24	37	160 MG/16ML (docetaxel)	32
DIFICID TABS	56	dimethyl fumarate CDPK	67	docetaxel SOLN 80 MG/8ML, 160	
diflorasone diacetate CREA	45	dimethyl fumarate CPDR	67	MG/16ML	32
diflorasone diacetate OINT	45	DIPENTUM	51	DOCIVYX SOLN 20 MG/2ML	32
diflunisal TABS	5	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG		DOCIVYX SOLN 80 MG/8ML, 160	
difluprednate	64	18		MG/16ML	32
digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	37	diphenhydramine hcl ELIX 12.5		docusate calcium	55
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG,		MG/5ML	18	docusate sodium CAPS 100 MG	55
0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250		diphenhydramine hcl LIQD 12.5		docusate sodium CAPS 250 MG	55
		MG/5ML	18	dofetilide	9
		diphenhydramine hcl SOLN 50		donepezil hydrochloride TABS 10	
		MG/ML	19	MG	66

donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	66	donepezil hydrochloride TDBP 10 MG	66	donepezil hydrochloride TDBP 5 MG 66		DOPTelet	54	dorzolamide hcl	64	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	63	DOVATO	35	doxazosin mesylate	20	doxepin hcl (antipruritic)	44	doxepin hcl (sleep)	54	doxepin hcl CAPS	15	doxepin hcl CONC	15	doxercalciferol CAPS	50	doxercalciferol SOLN	50	DOXIL SUSP (doxorubicin hcl liposomal)	28	doxorubicin hcl liposomal SUSP ..	28	DOXORUBICIN HCL SOLN (doxorubicin hcl)	28	doxorubicin hcl SOLN	28	doxorubicin hcl SOLR 50 MG	28	DOXORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN (doxorubicin hcl)	28	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	68	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	68	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	68	doxycycline (monohydrate) TABS 50		doxycycline hyclate CAPS	68	doxycycline hyclate SOLR	68	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	68	doxylamine-pyridoxine TBEC	18	dronabinol CAPS	18	drosiprenone-ethinyl estradiol	39	drosiprenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	39	DROXIA CAPS	53	DUAVEE	50	DULERA	10	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 46		DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	46	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 46		DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 46		DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	46	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	56	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	56	DUREX TROPICAL MISC	56	dutasteride	52	dutasteride-tamsulosin hcl	52	econazole nitrate CREA	43	EDARBI	20	EDURANT	35	efavirenz CAPS 200 MG	35	efavirenz CAPS 50 MG	35	efavirenz TABS	35	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	35	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	35	EGRIFTA 2 MG	49	EGRIFTA SV	49	ELAPRASE	50	electrolyte-148	59	electrolyte-a	59	ELESTRIN GEL	51	eletriptan hydrobromide	58	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	27	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	27	ELIQUIS STARTER PACK TBPK ..	10	ELIQUIS TABS	10	ELITEK	31	ELLA	40	ELLENCE SOLN 200 MG/100ML ..	28	ELLENCE SOLN 50 MG/25ML	28	ELMIRON CAPS	52	ELOCTATE	53	ELZONRIS	31	EMCYT	27	EMFLAZA SUSP (deflazacort)	40	EMFLAZA TABS (deflazacort)	41	EMGALITY SOAJ	58
--	----	--	----	--------------------------------------	--	----------------	----	-----------------------	----	------------------------------------	----	--------------	----	--------------------------	----	----------------------------------	----	---------------------------	----	------------------------	----	------------------------	----	----------------------------	----	----------------------------	----	--	----	-----------------------------------	----	--	----	----------------------------	----	----------------------------------	----	--	----	--	----	--	----	---	----	-----------------------------------	--	--------------------------------	----	--------------------------------	----	--	----	----------------------------------	----	-----------------------	----	-------------------------------------	----	---	----	-------------------	----	--------------	----	--------------	----	---	----	---------------------------------	----	--------------------------------	--	------------------------------	----	--------------------------------	--	--------------------------------	--	------------------------------	----	---------------------------------------	----	---------------------------------------	----	---------------------------	----	-------------------	----	----------------------------------	----	------------------------------	----	--------------	----	---------------	----	-----------------------------	----	----------------------------	----	----------------------	----	---	----	--	----	--------------------	----	------------------	----	----------------	----	-----------------------	----	---------------------	----	--------------------	----	-------------------------------	----	-----------------------------	----	--	----	------------------------------	----	--------------------	----	--------------	----	------------	----	------------------------------	----	------------------------------	----	--------------------	----	----------------	----	----------------	----	-------------	----	---------------------------------	----	---------------------------------	----	---------------------	----

EMGALITY SOSY 100 MG/ML	58	MG/0.4ML	11	eribulin mesylate	32
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	58	enoxaparin sodium SOSY 60		ERIVEDGE	27
EMPLICITI	26	MG/0.6ML	11	ERLEADA 240 MG	27
EMSAM	13	enoxaparin sodium SOSY 80		ERLEADA 60 MG	27
emtricitabine CAPS	35	MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	erlotinib hcl	26
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	35	ENSPRYNG	60	ERTACZO	43
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	35	entacapone	33	ertapenem sodium IJ	22
EMTRIVA SOLN	35	entecavir TABS	36	erythromycin (acne aid) PADS	42
EMVERM CHEW	7	EPIDIOLEX	12	erythromycin (acne aid) SOLN	42
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 21		epinastine hcl (ophth)	64	erythromycin (ophth)	63
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 21		epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	74	erythromycin base CPEP	55
enalapril maleate TABS	20	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	73	erythromycin base TABS	55
ENBREL MINI SOCT	4	EPIVIR HBV SOLN	36	erythromycin base TBEC	55
ENBREL SOLN	4	eplerenone	21	erythromycin ethylsuccinate SUSR	56
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	54	erythromycin ethylsuccinate TABS	56
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	epoprostenol sodium	38	escitalopram oxalate SOLN	14
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 61		escitalopram oxalate TABS 10 MG	14
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	70	EQUETRO 100 MG	33	escitalopram oxalate TABS 20 MG	14
ENGERIX-B SUSY	70	EQUETRO 200 MG	33	escitalopram oxalate TABS 5 MG	14
ENHERTU	26	EQUETRO 300 MG	33	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	69
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ERAXIS	18	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	69
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ERBITUX	26	esomeprazole magnesium TBEC	69
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ergocalciferol CAPS	74	ESPEROCT	53
enoxaparin sodium SOSY 40		ergocalciferol SOLN OR	74	estazolam	54
		ergoloid mesylates TABS	67	estradiol GEL 0.06 %	51
		ERGOMAR SUBL	58	estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1	
		ergotamine w/ caffeine TABS	58		

MG/GM, 1.25 MG/1.25GM	51	everolimus TABS	29	felbamate TABS 400 MG	13
estradiol PTTW	51	everolimus TBSO	29	felbamate TABS 600 MG	13
estradiol PTWK	51	EVOMELA IV	24	felodipine	37
estradiol TABS	51	EVOTAZ	35	FEMARA (letrozole)	27
estradiol vaginal CREA	73	exemestane	27	FEMCAP DEVI	56
estradiol vaginal TABS	73	EXKIVITY	26	FEMLYV TBDP	39
estradiol valerate	51	ezetimibe	20	FEMRING	73
ESTROGEL GEL (estradiol)	51	ezetimibe-simvastatin	19	fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19
eszopiclone	54	famciclovir 125 MG, 250 MG	36	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19
ethacrynic acid	48	famciclovir 500 MG	36	fenoprofen calcium TABS	4
ethambutol hcl TABS	23	famotidine in nacl SOLN	69	FENSOLVI SC	50
ethosuximide CAPS	13	famotidine SOLN 20 MG/2ML	69	fentanyl citrate LPOP	5
ethosuximide SOLN	13	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	69	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5
ethynodiol diacet & eth estrad	39	famotidine SUSR	69	ferrous fumarate-folic acid	54
ETHYOL	31	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	69	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	54
etodolac CAPS	4	FANAPT	33	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	54
etodolac TABS	4	FANAPT TITRATION PACK	33	ferrous sulfate TBEC 325 MG	54
etonogestrel-ethinyl estradiol	40	FANTASY LUBRICATED MISC ...	56	ferrous sulfate fumarate	70
ETOPOPHOS	32	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	56	FETZIMA CP24	14
etoposide CAPS	32	FARESTON (toremifene citrate) ..	27	FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14	
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	32	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	17	finasteride	52
etravirine 100 MG	35	FARXIGA	17	fingolimod hcl	67
etravirine 200 MG	35	FASENRA PEN SOAJ	9	FIRDAPSE	23
EUCRISA	47	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	FIRMAGON	27
EULEXIN	27	FC2 FEMALE CONDOM	56	flavoxate hcl	70
EVAMIST SOLN	51	febuxostat	53	flecainide acetate	8
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	60	felbamate SUSP	13		
everolimus (immunosuppressant) 1 MG	60				

floxuridine	24	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	71	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14
FLUAD 2024-2025	71	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	71	fluoxetine hcl CPDR	14
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	71	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	71	fluoxetine hcl SOLN	14
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	71	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	71	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	
FLUARIX 2024-2025 SUSY	71	FLUMIST QUADRIVALENT	71	fluoxetine hcl TABS 20 MG	14
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	71	flunisolide (nasal) 0.025 %	63	fluphenazine hcl CONC	34
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	71	fluocinolone acetonide (otic)	65	fluphenazine hcl ELIX	34
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	71	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 45		fluphenazine hcl SOLN	34
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	71	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	45	fluphenazine hcl TABS 1 MG	34
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	71	fluocinolone acetonide OIL	45	fluphenazine hcl TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	34
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	71	fluocinolone acetonide OINT	45	flurandrenolide CREA	46
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	71	fluocinolone acetonide SOLN	45	flurandrenolide LOTN	46
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	71	fluocinonide CREA 0.05 %	46	flurazepam hcl	54
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	71	fluocinonide CREA 0.1 %	45	flurbiprofen sodium	64
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	71	fluocinonide emulsified base	45	flurbiprofen TABS	4
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	71	fluocinonide GEL	46	flutamide	27
fluconazole SUSR	18	fluocinonide OINT	46	fluticasone furoate-vilanterol	10
fluconazole TABS	18	fluocinonide SOLN	46	fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9
flucytosine	18	fluorometholone (ophth) SUSP ...	64	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 63	
fludarabine phosphate SOLN	24	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	43	fluticasone propionate CREA 0.05 % 46	
FLUDARABINE PHOSPHATE SOLN	24	fluorouracil (topical) SOLN 2 % ...	43	fluticasone propionate hfa	9
fludarabine phosphate SOLR	25	fluorouracil (topical) SOLN 5 % ...	43	fluticasone propionate LOTN	46
fludrocortisone acetate TABS	41	fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML	25	fluticasone propionate OINT	46
		fluorouracil 500 MG/10ML	25	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10
		fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14	fluticasone-salmeterol AERO	10
		fluoxetine hcl CAPS 20 MG	14		

fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS47	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM57
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..47	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM57
fluvoxamine maleate TABS 100 MG .14	formoterol fumarate NEBU10	frovatriptan succinate 58
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG14	FORTEO SOPN (teriparatide)49	FRUZAQLA25
FLUZONE 2024-2025 SUSP71	FOSAMAX PLUS D49	fulvestrant SOSY27
FLUZONE 2024-2025 SUSY71	fosamprenavir calcium TABS35	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML48
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY71	fosfomycin tromethamine22	furosemide TABS48
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-202371	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide21	FUZEON SOLR35
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-202471	fosinopril sodium20	FYCOMPA TABS 2 MG11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP71	fosphenytoin sodium13	FYCOMPA TABS 4 MG11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY72	FOTIVDA29	FYCOMPA TABS 6 MG11
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP72	FRAGMIN SOSY11	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG11
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY72	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM57	gabapentin CAPS12
FML FORTE SUSP64	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM57	gabapentin SOLN12
FML OINT64	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM57	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12
folic acid TABS54	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM57	GALAFOLD50
FOLOTYN 20 MG/ML25	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM57	galantamine hydrobromide CP24 .66
FOLOTYN 40 MG/2ML25	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM57	galantamine hydrobromide SOLN .66
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		galantamine hydrobromide TABS .66
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML .11		GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML65
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11		GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML65
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML .11		GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR65
		GAMMAKED 1 GM/10ML, 5

GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	65	GILOTRIF	26	STRIPS	47
GAMUNEX-C	65	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 67		granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17
ganciclovir sodium SOLR	36	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 67		granisetron hcl TABS	17
ganirelix acetate	49	GLEEVEC (imatinib mesylate) ...	29	GRASTEK SUBL	2
GARDASIL 9 SUSP	72	GLEOSTINE 10 MG, 40 MG, 100 MG	24	griseofulvin microsize SUSP	18
GARDASIL 9 SUSY	72	glimepiride 1 MG, 2 MG	17	griseofulvin microsize TABS	18
gatifloxacin (ophth)	63	glimepiride 4 MG	17	griseofulvin ultramicrosize	18
GAVRETO	29	glipizide TABS 5 MG, 10 MG	17	guanfacine hcl (adhd)	1
GAZYVA	26	glipizide TB24	17	guanfacine hcl	20
gefitinib	26	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	GYNAZOLE-1	73
gemcitabine hcl SOLN	25	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15	HADLIMA PUSH TOUCH SOAJ	3
gemcitabine hcl SOLR 1 GM	25	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	47	HADLIMA SOSY	3
gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	25	glucagon (rdna)	16	HAEGARDA SOLR SC	53
GEMCITABINE HYDROCHLORIDE SOLN (gemcitabine hcl)	25	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	17	HALAVEN (eribulin mesylate)	32
GEMCITABINE HYDROCHLORIDE SOLN	25	glyburide TABS	17	halcinonide CREA	46
gemfibrozil TABS	19	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	halobetasol propionate CREA	46
GENOTROPIN CART SC	49	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	halobetasol propionate OINT	46
GENOTROPIN MINIQICK PRSY	49	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	52	HALOG OINT	46
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	69	haloperidol decanoate	34
gentamicin sulfate (ophth) OINT ...	63	glycopyrrolate TABS 1 MG	69	haloperidol lactate CONC	34
gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	63	glycopyrrolate TABS 2 MG	69	haloperidol lactate SOLN	34
gentamicin sulfate (topical) CREA .	42	GLYXAMBI	15	haloperidol TABS	34
gentamicin sulfate (topical) OINT ..	42	GNP PRENATAL TABS	61	HAVRIX	72
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GOJJI BLOOD KETONE TEST		HEMANGEOL SOLN OR	37
GENVOYA	35			heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11
				HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	
				HEPLISAV-B SOSY	72

HERCEPTIN 150 MG	26	MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	5
HERCEPTIN HYLECTA	28	hydrocodone-acetaminophen SOLN			
HERZUMA	26	325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydromorphone hcl TABS	5
HUMATROPE CART IJ	49	hydrocodone-acetaminophen TABS		hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS		300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300		hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12	
DISEASE STARTER PACK PSKT 80		MG-7.5 MG	6	MG, 16 MG	5
MG/0.8ML	3	hydrocodone-acetaminophen TABS		hydroxychloroquine sulfate 100 MG	
HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .	3	325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325		23	
HUMIRA PEN AJKT	3	MG-7.5 MG	6	hydroxychloroquine sulfate 200 MG	
HUMIRA PEN AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200		23	
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER		MG, 5 MG-200 MG	6	hydroxychloroquine sulfate 400 MG	
AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200		23	
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC		MG	6	hydroxyurea	31
STARTER PACK AJKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ...	8
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER		hydrocortisone (rectal) EX	7	hydroxyzine hcl SYRP	8
AJKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %,		hydroxyzine hcl TABS	8
HUMIRA PSKT	3	2.5 %	46	hydroxyzine pamoate CAPS	8
HUMULIN R U-500		hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .		HYPERSAL NEBU	41
(CONCENTRATED) SOLN SC	16	46		HYQVIA	65
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN		hydrocortisone (topical) OINT 1 %,		ibandronate sodium SOLN	49
SC	16	2.5 %	46	ibandronate sodium TABS	49
HYCAMTIN CAPS	32	hydrocortisone acetate (rectal)	7	IBRANCE CAPS	29
HYCAMTIN SOLR (topotecan hcl)	32	hydrocortisone butyrate CREA	46	IBRANCE TABS	29
hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone butyrate OINT	46	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	4
hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone butyrate SOLN	46	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4
hydrochlorothiazide CAPS	48	hydrocortisone sod succinate 100		ibuprofen TABS 800 MG	4
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG		MG	41	icatibant acetate SOLN	53
48		hydrocortisone TABS	41	icatibant acetate SOSY	53
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50		hydrocortisone vaginal	73	ICLUSIG	29
MG	48	hydrocortisone valerate CREA	46	icosapent ethyl 1 GM	19
hydrocodone polistirex-		hydrocortisone valerate OINT	46	IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML	
chlorpheniramine polistirex SUER .	41	hydrocortisone w/acetic acid	65	(idarubicin hcl)	28
hydrocodone-acetaminophen SOLN		hydromorphone hcl LIQD	5		
108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217		hydromorphone hcl SOLN IJ 10			
MG/10ML-5 MG/10ML, 325					

IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10 MG/10ML (idarubicin hcl)	28	INFUGEM	25	irbesartan-hydrochlorothiazide	21
idarubicin hcl 20 MG/20ML	28	INGREZZA CAPS	66	IRESSA (gefitinib)	26
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	28	INGREZZA CPPK	67	irinotecan hcl 300 MG/15ML, 500 MG/25ML	32
IDELVION	53	INGREZZA CPSP	67	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	32
IDHIFA	29	INLYTA	25	irrigation solutions, physiological ..	61
IFEX SOLR (ifosfamide)	24	INQOVI	28	ISENTRESS CHEW	35
IFEX SOLR	24	INREBIC	29	ISENTRESS HD TABS	35
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	24	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16	ISENTRESS TABS	35
ifosfamide SOLN 3 GM/60ML	24	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	59
ifosfamide SOLR	24	INSULIN ASPART		ISOLYTE-S	59
IFOSFAMIDE SOLR	24	PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid SOLN	23
imatinib mesylate	29	FLEXPEN SUPN	16	isoniazid SYRP	23
IMBRUVICA CAPS 140 MG	29	INSULIN ASPART		isoniazid TABS	23
IMBRUVICA CAPS 70 MG	29	PROTAMINE/INSULIN ASPART		isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	
IMBRUVICA SUSP	29	SUSP	16	MG, 20 MG, 30 MG	8
IMBRUVICA TABS	29	INSULIN ASPART SOLN IJ	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	
IMFINZI	26	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH		38	
imipenem-cilastatin IV	22	SOPN	16	isosorbide mononitrate TABS	8
imipramine hcl TABS	15	INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	isosorbide mononitrate TB24	8
imipramine pamoate	15	INTELENCE 25 MG	35	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	
imiquimod 5 %	46	INTRAROSA	73	40 MG	42
IMPAVIDO	21	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	59	isradipine CAPS	37
INCRELEX	49	IOPIDINE	63	ISTODAX SOLR (romidepsin)	29
INCRUSE ELLIPTA	9	IPOL INACTIVATED IPV	72	itraconazole CAPS	18
indapamide TABS 1.25 MG	49	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %		itraconazole SOLN	18
indapamide TABS 2.5 MG	49	62		ivabradine hcl TABS	38
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4		ipratropium bromide (nasal) 0.06 %		ivermectin (pediculicide)	47
indomethacin CPR	4	62		ivermectin	8
INFLECTRA SOLR	51	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9	IWILFIN	31
		ipratropium-albuterol SOLN	10	IXEMPRA KIT 15 MG	32
		irbesartan	20		

IXEMPRA KIT 45 MG	32	ketoprofen CAPS 50 MG	4	KISQALI FEMARA 200 DOSE	28
JAKAFI	29	ketorolac tromethamine (ophth) ...	64	KISQALI FEMARA 400 DOSE	28
JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	72	ketorolac tromethamine TABS	4	KISQALI FEMARA 600 DOSE	28
JANUMET TABS	15	KETOSTIX STRP	47	KLARITY-A	63
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 64		KOGENATE FS KIT	53
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15	KEVZARA SOAJ	3	KOSELUGO	29
JANUVIA	16	KEVZARA SOSY	4	KOVALTRY	53
JARDIANCE	17	KEYTRUDA	26	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABs	61
JAYPIRCA	29	KHAPZORY	31	KRAZATI	29
JELMYTO SOLR UL	28	KIMONO COLORS DEVI	56	KRINTAFEL	23
JEVTANA	32	KIMONO LUBRICATED MISC	56	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	56
JIVI	53	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	56	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	56
JULUCA	35	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 56		KYPROLIS	29
JYNARQUE TBPK	50	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	56	labetalol hcl SOLN	36
KADCYLA	26	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	56	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 36	
KALYDECO TABS	68	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 56		labetalol hcl TABS 300 MG	36
KAMELEON LUBRICATED MISC .	56	KIMONO PS LUBRICATED MISC .	56	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12	
KANJINTI	26	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 56		lacosamide TABS	12
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	59	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	56	lactated ringer's (irrigation)	61
KEMOPLAT SOLN	24	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 56		lactated ringer's	59
KEPIVANCE 6.25 MG	31	KIMONO SPECIAL DEVI	56	lactic acid (ammonium lactate) CREA	46
KESIMPTA	67	KINRIX SUSY	69	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	46
ketoconazole (topical) CREA	43	KISQALI	29	lactulose (encephalopathy)	52
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	43			lactulose SOLN	55
ketoconazole	18			lamivudine (hbv) TABS	36
KETONE STRP	47			lamivudine SOLN	35
KETONE TEST STRIPS STRP	47				

lamivudine TABS 150 MG 35	MG/50ML 31	51
lamivudine TABS 300 MG 35	leucovorin calcium SOLR 31	levofloxacin TABS 500 MG 51
lamivudine-zidovudine 35	leucovorin calcium TABS 31	levoleucovorin calcium SOLN 175 MG/17.5ML 31
lamotrigine CHEW 25 MG 12	LEUKERAN 24	levoleucovorin calcium SOLN 250 MG/25ML 31
lamotrigine CHEW 5 MG 12	LEUKINE SOLR IJ 54	levoleucovorin calcium SOLR 31
lamotrigine TABS 12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML 27	levonorgestrel & eth estradiol TABS 39
lamotrigine TBDP 12	LEUPROLIDE ACETATE/BUPIVACAINE	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 40
LANOXIN SOLN IJ (digoxin) 38	HYDROCHLORIDE 27	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) 39
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) 38	levalbuterol hcl 10	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG 39
lansoprazole CPDR 15 MG 69	levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML 10	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) 39
lansoprazole CPDR 30 MG 69	levalbuterol tartrate 10	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 39
lanthanum carbonate CHEW 52	LEVEMIR FLEXPEN SOPN 16	levorphanol tartrate TABS 2 MG 5
lapatinib ditosylate 29	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN 16	levothyroxine sodium TABS 68
LASTACRAFT 64	LEVEMIR SOLN 16	LEVULAN KERASTICK SOLR 43
latanoprost SOLN 64	levetiracetam SOLN OR 100 MG/ML, 500 MG/5ML 12	LEXIVA SUSP 35
LAZCLUZE 26	levetiracetam TABS 1000 MG 12	LIBTAYO 26
leflunomide 4	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG 12	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % 55
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG 60	levetiracetam TABS 500 MG 12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ... 61
lenalidomide 20 MG 60	levetiracetam TB24 12	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ... 61
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE .. 25	levobunolol hcl 0.5 % 63	lidocaine hcl GEL 2 % 47
LENVIMA 12MG DAILY DOSE ... 25	levocetirizine dihydrochloride SOLN 19	lidocaine hcl PRSY 47
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE .. 25	levocetirizine dihydrochloride TABS 19	lidocaine hcl SOLN 47
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE .. 25	levofloxacin (ophth) 0.5 % 63	lidocaine PTCH 5 % 47
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE .. 25	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML 51	lidocaine-prilocaine CREA 47
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE .. 25	levofloxacin SOLN OR 51	
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE 25	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE 25		
letrozole 27		
leucovorin calcium SOLN IJ 500		

lincomycin hcl	22	LORBRENA	29	MG, 120 MG	33
linezolid SUSR	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	21	lurasidone hcl 80 MG	33
linezolid TABS	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 21		LUTATHERA	31
LINZESS	52	losartan potassium	20	LYNPARZA TABS	29
liothyronine sodium SOLN	68	LOTEMAX OINT	64	LYSODREN	27
liothyronine sodium TABS	68	loteprednol etabonate GEL	64	LYTGOBI	29
lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		loteprednol etabonate SUSP	64	mafenide acetate PACK	44
lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1		lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	magnesium sulfate IJ 50 %	60
lisinopril & hydrochlorothiazide ...	21	lovastatin TABS 40 MG	19	malathion	47
lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	20	loxapine succinate	34	maraviroc TABS 150 MG	35
lithium	33	lubiprostone	51	maraviroc TABS 300 MG	35
lithium carbonate CAPS	33	LUCEMYRA (lofexidine hcl)	66	MARPLAN	13
lithium carbonate TABS	33	luliconazole	43	MASONATAL TABS	61
lithium carbonate TBCR	33	LUMAKRAS	29	MATULANE	31
LO LOESTRIN FE TABS	39	LUMIZYME	50	MAXIDEX SUSP OP	64
lofexidine hcl	66	LUMOXITI	26	MAXX LUBRICATED MISC	56
LOKELMA	61	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	27	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	56
LONSURF	28	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	27	meclizine hcl TABS 12.5 MG	17
loperamide hcl CAPS	17	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	27	meclizine hcl TABS 25 MG	18
lopinavir-ritonavir SOLN	35	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	27	meclofenamate sodium CAPS	4
lopinavir-ritonavir TABS	35	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 50		MEDROL TABS	41
loratadine CAPS	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	50	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	40
loratadine CHEW	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	50	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	40
loratadine SOLN	19	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60		medroxyprogesterone acetate 10 MG	66
loratadine TABS	19			medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	66
loratadine TBDP	19			mefenamic acid CAPS	4
lorazepam CONC	8			mefloquine hcl	23
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8				
lorazepam TABS 1 MG	8				

megestrol acetate (appetite)	66	MESNEX TABS	32	methotrexate sodium TABS 2.5 MG	25
megestrol acetate SUSP	27	metaxalone 800 MG	62	methoxsalen rapid	44
megestrol acetate TABS	27	metformin hcl TABS 1000 MG	16	methscopolamine bromide	69
MEKINIST SOLR	29	metformin hcl TABS 500 MG	16	methsuximide	13
MEKINIST TABS	30	metformin hcl TABS 850 MG	16	methyl dopa TABS	20
MEKTOVI	30	metformin hcl TB24 500 MG	16	methylphenidate hcl CHEW 10 MG ..	2
meloxicam TABS	4	metformin hcl TB24 750 MG	16	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG ..	2
melphalan	24	methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..	2
melphalan hcl IV	24	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML ..	5	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60	2
memantine hcl TABS	66	METHADONE HCL SOLN IJ	5	MG	2
MENACTRA	70	methadone hcl SOLN OR 10	5	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40	2
MENEST	51	MG/5ML	5	MG	2
MENOSTAR PTWK	51	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML	5	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2
MENQUADFI	70	5	5	methylphenidate hcl CP24	2
MENVEO SOLR	70	methadone hcl TABS 10 MG	5	methylphenidate hcl CP24	2
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML,	5	methadone hcl TABS 5 MG	5	methylphenidate hcl CPCR	2
50 MG/ML, 100 MG/ML	5	methadone hcl TBSO	5	methylphenidate hcl SOLN	2
meperidine hcl SOLN OR 50	5	methamphetamine hcl	1	methylphenidate hcl TABS 10 MG,	2
MG/5ML	5	methazolamide TABS	48	20 MG	2
meperidine hcl TABS 50 MG	5	methenamine hippurate	22	methylphenidate hcl TABS 5 MG ..	2
meprobamate	8	methimazole TABS	68	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27	2
mercaptopurine TABS	25	methocarbamol TABS 500 MG, 750	62	MG	2
meropenem	22	MG	62	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54	2
mesalamine CP24	51	METHOTREXATE	3	MG	2
mesalamine CPDR	51	methotrexate sodium SOLN 1	25	methylphenidate hcl TBCR 10 MG,	2
mesalamine ENEM	51	GM/40ML, 250 MG/10ML, 1000	25	20 MG	2
mesalamine SUPP	51	MG/40ML	25	methylphenidate hcl TBCR 18 MG,	2
mesalamine TBEC 1.2 GM	52	methotrexate sodium SOLN 50	25	27 MG	2
mesalamine TBEC 800 MG	51	MG/2ML, 250 MG/10ML	25	methylphenidate hcl TBCR 36 MG,	2
mesna SOLN	31	MG/2ML	25	54 MG	2
MESNEX SOLN (mesna)	31	methotrexate sodium SOLN 50	25	methylphenidate PTCH	2
		MG/2ML	25	methylprednisolone acetate SUSP	41
		methotrexate sodium SOLR	25	methylprednisolone sod succ 40 MG,	

125 MG, 500 MG, 1000 MG	41	midodrine hcl	74	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...	72
methylprednisolone TABS	41	miglitol	15	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .	72
methylprednisolone TBPK	41	miglustat	53	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	72
methyltestosterone TABS	7	minocycline hcl CAPS	68	moexipril hcl	20
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	51	minocycline hcl TABS	68	mometasone furoate (nasal) SUSP	63
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	51	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	mometasone furoate CREA	46
metoclopramide hcl TABS	51	MIRCERA 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 120 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	54	mometasone furoate OINT	46
metolazone	49	mirtazapine TABS 15 MG	13	mometasone furoate SOLN	46
metoprolol & hydrochlorothiazide TABs 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	21	mirtazapine TABS 30 MG	13	MONJUVI	26
metoprolol & hydrochlorothiazide TABs 25 MG-50 MG	21	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13	montelukast sodium CHEW	9
metoprolol succinate TB24 200 MG 37		mirtazapine TBDP 15 MG	13	montelukast sodium PACK	9
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	37	mirtazapine TBDP 30 MG	13	montelukast sodium TABS	9
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	37	mirtazapine TBDP 45 MG	13	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	5
metoprolol tartrate TABs 25 MG, 50 MG, 100 MG	37	misoprostol	69	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	5
metronidazole (topical) CREA	47	mitomycin SOLR IV 20 MG	28	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	5
metronidazole (topical) GEL 0.75 % 47		mitomycin SOLR IV 5 MG, 40 MG	28	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	5
metronidazole (topical) GEL 1 % ..	47	MITOMYCIN SOSY 20 MG/40ML	28	morphine sulfate TABS	5
metronidazole (topical) LOTN	47	mitoxantrone hcl 2 MG/ML	28	morphine sulfate TBCR	5
metronidazole TABS	21	M-M-R II SOLR	72	MOTEGRITY	51
metronidazole vaginal	73	M-NATAL PLUS TABS	61	MOTOFEN	17
mexiletine hcl	8	modafinil 100 MG	2	MOVANTIK	52
micafungin sodium	18	modafinil 200 MG	2	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	64
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	73	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	72	moxifloxacin hcl in sodium chloride	51
		MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	72		
		MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY .	72		

moxifloxacin hcl TABS	51	NATACYN	64	NEVANAC	64
MOZOBIL (plerixafor)	54	NATAZIA	40	nevirapine SUSP	35
MULPLETA	54	nateglinide	17	nevirapine TABS	35
MULTI PRENATAL TABS	61	NAYZILAM	11	nevirapine TB24 100 MG	35
mupirocin OINT	42	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 37		nevirapine TB24 400 MG	35
MVASI	26	nebivolol hcl 20 MG	37	NEXAVAR (sorafenib tosylate) ...	30
MYALEPT	50	NEBUSAL NEBU	41	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	69
mycophenolate mofetil CAPS	60	nefazodone hcl	14	NEXTSTELLIS	40
mycophenolate mofetil TABS	60	nelarabine	25	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	20
mycophenolate sodium	60	neomycin sulfate TABS	2	niacin CPCR 250 MG, 500 MG	74
MYLERAN TABS	24	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	64	niacin TABS	74
MYLOTARG	26	neomycin-polymy-dexameth OINT	64	niacin TBCR	74
nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	64	NIACIN TR TBCR	74
nadolol TABS 20 MG	37	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	64	niacinamide TABS 100 MG	74
nadolol TABS 40 MG	37	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	65	niacinamide TABS 500 MG	74
nadolol TABS 80 MG	37	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	65	nicardipine hcl CAPS	37
nafcillin sodium IV 10 GM	66	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	61	nicardipine hcl SOLN	37
naftifine hcl CREA 1 %	43	NEONATAL PLUS TABS	61	nicotine MISC XX	67
naftifine hcl CREA 2 %	43	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	61	nicotine polacrilex GUM	67
NAGLAZYME	50	NEONATAL VITAMIN TABS	61	nicotine polacrilex LOZG	67
nalbuphine hcl	7	neostigmine methylsulfate SOSY ..	23	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	67
naloxone hcl LIQD	17	NEO-SYNALAR	42	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	67
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	17	NERLYNX	30	NICOTROL INHALER INHA	67
naltrexone hcl	17	NEUPRO	33	NICOTROL NS SOLN	67
naproxen sodium TABS 550 MG ...	4			nifedipine CAPS 10 MG	37
naproxen SUSP	4			nifedipine CAPS 20 MG	37
naproxen TABS	4			nifedipine TB24 60 MG	37
naproxen TBEC 500 MG	4			nifedipine TB24 90 MG	37
naratriptan hcl	58				

nifedipine TB24	37	norethindrone & eth estradiol	40	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
NILANDRON (nilutamide)	27	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	40	NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nilutamide	27	norethindrone (contraceptive)	40	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nimodipine CAPS	37	norethindrone acet & eth estra TABS	40	NOVOLIN N SUSP	16
NINLARO	30	norethindrone acetate TABS	66	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
NIPENT	31	norethindrone acetate-ethinyl		NOVOLIN R SOLN IJ	16
nisoldipine	37	estradiol	50	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nitazoxanide TABS	22	norethindrone acetate-ethinyl		NP THYROID 120 TABS	68
nitisinone CAPS	50	estradiol-fe	40	NP THYROID 15 TABS	68
NITRO-BID OINT	8	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	40	NP THYROID 30 TABS	68
nitrofurantoin	22	40	NP THYROID 60 TABS	68
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,		norgestimate-ethinyl estradiol		NP THYROID 90 TABS	68
100 MG	22	(triphasic)	40	NUBEQA	27
nitrofurantoin monohyd macro	22	norgestimate-ethinyl estradiol	40	NUCALA SOAJ	9
nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30		NUCALA SOLR	9
nitroglycerin CPR	8	MCG-0.3 MG	40	NUCALA SOSY 100 MG/ML	9
nitroglycerin PT24	8	NORMOSOL-M/D5W	59	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9
NITROGLYCERIN SOLN IV	8	NORMOSOL-R	59	NUCYNTA ER TB12	6
nitroglycerin SUBL	8	nortriptyline hcl CAPS	15	NUCYNTA TABS	6
NIVA-PLUS TABS	61	nortriptyline hcl SOLN	15	NUEDEXTA	67
nizatidine CAPS	69	NORVIR CAPS	35	NULOJIX	60
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30		NORVIR PACK	35	nystatin (mouth-throat)	61
MG/3ML	49	NORVIR SOLN	35	nystatin (topical) CREA	43
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5		NOVA MAX PLUS KETONE		nystatin (topical) OINT	43
MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15		TESTSTRIPS	47	nystatin (topical) POWD EX	43
MG/1.5ML	49	NOVAVAX COVID-19 VACCINE		nystatin TABS	18
norelgestromin-ethinyl estradiol ..	40	SUSP	72	nystatin-triamcinolone CREA	43
norethin acet & estrad-fe CAPS ...	40	NOVAVAX COVID-19		nystatin-triamcinolone OINT	43
norethin acet & estrad-fe CHEW ..	40	VACCINE/2023-24 SUSP	72	NYVEPRIA	54
norethin acet & estrad-fe TABS 1		NOVAVAX COVID-19		octreotide acetate KIT	50
MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30		VACCINE/2024-25 SUSY	72		
MCG-75 MG	40	NOVOEIGHT	53		

octreotide acetate SOLN	50	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	70	ORKAMBI PACK	68
ODEFSEY	35	OMNIFLEX DIAPHRAGM	56	ORKAMBI TABS	68
ODOMZO	27	ONCASPAR	31	ORLADEYO	53
OFEV	68	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		orphenadrine citrate TB12	62
ofloxacin (ophth)	64	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	ORSERDU	27
ofloxacin (otic)	65	ondansetron hcl SOSY	17	oseltamivir phosphate CAPS	36
ofloxacin 300 MG, 400 MG	51	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oseltamivir phosphate SUSR	36
OGIVRI	26	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	OSMOPREP	55
OGSIVEO	30	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	OSPHENA	49
OJEMDA SUSR	30	ondansetron TBDP 4 MG	17	OTEZLA TABS	4
OJEMDA TABS	30	ondansetron TBDP 8 MG	17	OTEZLA TBPK	4
OJJAARA	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	61	oxacillin sodium IV 10 GM	66
olanzapine SOLR	34	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	62	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	24
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	34	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	57	oxaliplatin SOLR	24
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	34	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	58	oxandrolone	7
olanzapine TBDP 20 MG	34	ONIVYDE	32	oxaprozin TABS	4
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	34	ONTRUZANT	26	oxazepam CAPS	8
olmesartan medoxomil	20	ONUREG TABS	25	OXBRYTA TABS 500 MG	53
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	21	OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	26	oxcarbazepine SUSP	12
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21	OPDUALAG	28	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
olopatadine hcl (nasal)	62	OPILL	40	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
olopatadine hcl 0.1 %	64	OPSUMIT	38	oxiconazole nitrate CREA	43
olopatadine hcl 0.2 %	64	ORENITRAM TBCR	38	OXISTAT LOTN	43
omega-3-acid ethyl esters	19	ORGOVYX	27	oxybutynin chloride SOLN	70
omeprazole CPDR	69	ORILISSA	49	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	70
omeprazole magnesium CPDR	69			oxybutynin chloride TB24	70
omeprazole TBEC	69			oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
				oxycodone hcl TABS	6

oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 69	PEMETREXED SOLN 1 GM/40ML, 100 MG/4ML, 500 MG/20ML	25
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 69	PEMFEXY	25
oxymorphone hcl TABS	6	paricalcitol CAPS	penciclovir	44
oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	paricalcitol SOLN	penicillamine CAPS	60
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6		paroxetine hcl SUSP	penicillamine TABS	60
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	16	paroxetine hcl TABS 10 MG	penicillin g potassium 5000000 UNIT 65	
OZEMPIC SOPN	16	paroxetine hcl TABS 20 MG	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	65
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	32	paroxetine hcl TABS 30 MG	PENICILLIN G PROCAINE	65
paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300 MG/50ML	32	paroxetine hcl TABS 40 MG	penicillin g sodium	65
paclitaxel protein-bound particles .32		paroxetine hcl TB24 12.5 MG	penicillin v potassium SOLR	65
PACLITAXEL PROTEIN- BOUNDPARTICLES	32	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	penicillin v potassium TABS	65
PADCEV	26	PASER PACK	pentazocine w/ naloxone hcl	7
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG .33		pazopanib hcl	pentoxifylline	53
paliperidone 6 MG	33	pediatric multivitamins w/fl CHEW .61	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .20	
palonosetron hcl SOLN	17	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	perindopril erbumine 4 MG	20
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	49	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	PERJETA	26
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 49		peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	permethrin CREA	47
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT	48	PEGASYS SOLN	permethrin LIQD EX	47
PANRETIN	44	PEGASYS SOSY	perphenazine TABS	34
		PEMAZYRE	perphenazine-amitriptyline	66
		PEMETREXED	PERSERIS PRSY	33
		pemetrexed disodium SOLR 100 MG, 750 MG, 1000 MG	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP	72
		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 25	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP	72
			PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 72	
			PFIZER-BIONTECH COVID-	

19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP 72	PHEXXI73	SC67
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP72	PHOSLYRA SOLN52	plerixafor54
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP72	PHOTOFRIN31	PLUVICTO31
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP72	PIFELTRO35	PNEUMOVAX 23 SOSY70
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..72	pilocarpine hcl (oral)61	PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN .70
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ...72	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 63	podofilox SOLN47
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...72	pimecrolimus47	POLIVY 140 MG26
PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 72	pimozide67	polymyxin b sulfate SOLR22
PHEBURANE PLLT50	pindolol TABS37	polymyxin b-trimethoprim64
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG52	pioglitazone hcl16	POMALYST28
phendimetrazine tartrate TABS1	pioglitazone hcl-glimepiride15	PORTRAZZA26
phenelzine sulfate13	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15	posaconazole SUSP18
phenobarbital ELIX54	piperacillin sodium-tazobactam sodium66	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 60
phenobarbital TABS54	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...30	potassium bicarbonate TBEF60
phenoxybenzamine hcl20	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...30	potassium chloride CPCR60
phentermine hcl CAPS1	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...30	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %59
phenytoin CHEW13	pirfenidone CAPS68	potassium chloride in dextrose 5 %- 20 MEQ/L59
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 68	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 %59
phenytoin sodium SOLN13	pirfenidone TABS 534 MG68	potassium chloride microencapsulated crystals er60
phenytoin SUSP13	piroxicam CAPS4	potassium chloride PACK OR 20 MEQ60
PHESGO28	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..59	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride)
	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)59	
	PLEGRIDY SOAJ67	
	PLEGRIDY SOSY SC67	
	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 67	
	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY	

60	prednisolone acetate (ophth)64	PRENATAL PLUS TABS 62
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML60	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE64	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS 62
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ 60	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 41	PRENATAL TABS 62
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS59	prednisolone sodium phosphate TBDP41	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS62
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)59	prednisolone SOLN41	PRENATAL VITAMIN TABS62
potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 52	prednisolone TABS 41	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 62
potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML60	prednisone SOLN41	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS 62
POTELIGEO26	prednisone TABS 1 MG, 5 MG41	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT 62
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD42	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG41	PRENATRIX TABS 62
pralatrexate 20 MG/ML 25	prednisone TBPK41	PRENATRYL TABS62
pralatrexate 40 MG/2ML25	pregabalin (once-daily) 330 MG ...67	PREVNAR 13 70
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG33	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG 67	PREVNAR 20 70
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG33	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	PREZCOBIX35
prasugrel hcl53	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ... 12	PREZISTA SUSP35
pravastatin sodium 19	pregabalin SOLN12	PREZISTA TABS (darunavir)35
praziquantel8	PREHEVBRIO73	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG35
prazosin hcl CAPS20	PREMARIN73	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir) 35
PRECISION XTRA47	PREMARIN SOLR51	PRIFTIN23
PRED MILD64	PREMARIN TABS 51	primaquine phosphate TABS23
PRED-G SUSP64	PREMPHASE 50	primidone 50 MG, 250 MG12
prednicarbate OINT46	PREMPRO 50	PRIORIX SUSR73
	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 62	probenecid53
	PRENATAL ONE DAILY TABS ...62	

procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	PURIXAN SUSP25	QVAR REDIHALER 9
prochlorperazine 34	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS62	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS62
prochlorperazine maleate TABS ...34	pyrazinamide23	RA PRENATAL TABS 62
PROCRIPT54	pyridostigmine bromide SOLN OR 23	rabeprazole sodium TBEC69
progesterone CAPS66	pyridostigmine bromide TABS 60 MG23	raloxifene hcl 49
PROGRAF PACK60	pyridostigmine bromide TBCR23	ramelteon55
PROGRAF SOLN60	pyrimethamine23	ramipril CAPS20
PROLASTIN-C SOLN67	QC PRENATAL TABS 62	ranitidine hcl TABS 150 MG 69
PROLEUKIN31	QINLOCK30	ranolazine TB12 1000 MG 8
PROLIA SOSY49	QUADRACEL SUSP69	ranolazine TB12 500 MG 8
PROMACTA PACK54	QUADRACEL SUSY69	rasagiline mesylate33
PROMACTA TABS 54	quazepam 54	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..56
promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML19	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG 34	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI56
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG 19	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG34	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 56
promethazine hcl SUPP 50 MG ... 19	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG34	REBIF REBIDOSE SOAJ67
promethazine hcl TABS19	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG34	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ67
propafenone hcl CP12 8	quinapril hcl 20 MG, 40 MG20	REBIF SOSY67
propafenone hcl TABS8	quinapril hcl 5 MG, 10 MG20	REBIF TITRATION PACK SOSY ..67
proparacaine hcl64	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG21	RECOMBIVAX HB SUSP73
propranolol hcl CP2437	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG21	RECOMBIVAX HB SUSY73
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML37	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) .7
propranolol hcl TABS37	quinidine sulfate TABS8	REGANEX47
propylthiouracil68	quinine sulfate CAPS 324 MG23	RELENZA DISKHALER36
PROQUAD SUSR73	QUZYTIR SOLN IV19	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G58
protriptyline hcl 15		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G58
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..9		
PULMOZYME68		

RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	58	ringer's	59	ROTARIX SUSP	73
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	47	ringer's irrigation	61	ROTARIX SUSR	73
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	47	RINVOQ LQ SOLN	2	ROTATEQ SOLN	73
RENFLEXIS	52	RINVOQ TB24	3	ROZLYTREK CAPS	30
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	17	risedronate sodium TABS 150 MG	49	ROZLYTREK PACK	30
repaglinide 2 MG	17	risedronate sodium TABS 35 MG	49	RUBRACA	30
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	20	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	49	rufinamide SUSP	12
REPATHA SOSY	20	risedronate sodium TBEC	49	rufinamide TABS 200 MG	12
REPATHA SURECLICK SOAJ	20	RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	33	rufinamide TABS 400 MG	12
RETACRIT	54	risperidone microspheres	33	RUKOBIA	35
RETEVMO CAPS	30	risperidone SOLN	33	RUXIENCE	26
RETEVMO TABS	30	risperidone TABS	33	RYBELSUS TABS	16
RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	35	risperidone TBPDP	34	RYDAPT	30
REVLIMID 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	60	ritonavir TABS	35	salsalate	5
REVLIMID 20 MG	60	RITUXAN	26	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate)	50
REXULTI	34	RITUXAN HYCELA	28	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	50
REZLIDHIA	30	rivastigmine tartrate CAPS	66	SANTYL OINT	46
ribavirin (hepatitis c) CAPS	36	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	58	sapropterin dihydrochloride PACK	50
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 36		rizatriptan benzoate TABS 5 MG	58	sapropterin dihydrochloride TABS	50
RIDAURA	3	rizatriptan benzoate TBPDP 10 MG	58	SARCLISA	26
rifabutin	23	rizatriptan benzoate TBPDP 5 MG	58	SAVELLA TABS	66
rifampin CAPS	23	roflumilast	9	SAVELLA TITRATION PACK MISC	66
rifampin SOLR	23	romidepsin SOLR	30	saxagliptin hcl	16
riluzole TABS	63	ropinirole hydrochloride TABS	33	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	15
rimantadine hydrochloride TABS ..	36	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	33	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15
		ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	33	SCSEMBLIX 100 MG	30
		rosuvastatin calcium TABS	19	SCSEMBLIX 20 MG	30

SCEMBLIX 40 MG	30	simvastatin TABS	19	SOLOSEC	2
SCLEROSOL INTRAPLEURAL AERP	68	sirolimus TABS	60	SOLTAMOX SOLN	27
scopolamine	18	SIRTURO	23	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	41
SELECT INSULIN SYRINGES	58	SIVEXTRO TABS	22	SOLU-CORTEF 250 MG	41
SELECT LANCETS	58	SKYRIZI PEN SOAJ	44	SOLU-MEDROL 2 GM	41
selegiline hcl CAPS	33	SKYRIZI SOCT	52	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 49	
selegiline hcl TABS	33	SKYRIZI SOLN	52	sorafenib tosylate	30
selenium sulfide LOTN 2.5 %	44	SKYRIZI SOSY	44	SORBITOL 3 %	52
SELZENTRY SOLN	35	SLYND	40	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	52
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 35		SM PRENATAL VITAMINS TABS	62	sotalol hcl (afib/afib)	37
SEREVENT DISKUS	10	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	59	sotalol hcl TABS 240 MG	37
sertraline hcl CONC	14	sodium acetate SOLN	59	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	37
sertraline hcl TABS 100 MG	14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	52	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	73
sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14		sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	41	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	73
sevelamer carbonate PACK	52	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	60	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	73
sevelamer carbonate TABS	52	sodium citrate & citric acid	52	spinosad	47
SHINGRIX	73	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	59	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)	9
SIGNIFOR	50	sodium phenylbutyrate POWD	50	SPIRIVA RESPIMAT AERS	9
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	38	sodium phenylbutyrate TABS	50	spironolactone & hydrochlorothiazide	48
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	38	sodium polystyrene sulfonate POWD 61		SPRAVATO 56MG DOSE	13
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	38	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	61	SPRAVATO 84MG DOSE	14
sildenafil citrate	38	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	55		
silodosin	52	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	36		
silver sulfadiazine	44	SOLIFENACIN SUCCINATE TABS	70		
SIMPONI ARIA SOLN	3	SOLIQUA 100/33	15		
SIMULECT	60				

SPRYCEL (dasatinib)	30	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	42	SYLVANT	61
stannous fluoride CONC	61	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	42	SYNAREL	50
stavudine CAPS	35	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	64	SYNERA PTCH	47
STELARA 130 MG/26ML	52	sulfadiazine TABS	68	SYNJARDY TABS	15
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	44	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	22	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	44	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	22	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
STELARA SOSY 90 MG/ML	44	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	22	SYNRIBO	31
STENDRA	38	SULFAMYLON CREA	44	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	68
STERILE TALC POWDER SUSR .	68	sulfasalazine TABS	52	TABLOID	25
STIOLTO RESPIMAT	10	sulfasalazine TBEC	52	TABRECTA	30
STIVARGA	30	sulindac TABS	4	tacrolimus (topical) OINT	47
STRENSIQ	50	sumatriptan	58	tacrolimus CAPS	60
streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan succinate SOAJ	59	tadalafil (pulmonary hypertension) TABs	38
STRIBILD	35	sumatriptan succinate SOCT	59	tadalafil 5 MG	38
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	59	TAFINLAR CAPS	30
STRONTIUM CHLORIDE SR-89 .	31	sumatriptan succinate TABS	59	TAFINLAR TBSO	30
SUBSYS LIQD 100 MCG	6	sumatriptan-naproxen sodium ...	58	tafluprost	64
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	30	TAGRISSO 40 MG	26
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6	SUNOSI 150 MG	1	TAGRISSO 80 MG	26
sucralfate SUSP	69	SUNOSI 75 MG	1	TAKHZYRO SOLN	53
sucralfate TABS	69	SUTENT 12.5 MG, 25 MG, 50 MG (sunitinib malate)	30	TAKHZYRO SOSY	53
sulconazole nitrate CREA	43	SUTENT 37.5 MG (sunitinib malate) .	30	TALZENNA 0.1 MG, 0.35 MG	30
sulconazole nitrate SOLN	43			TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	30
sulfacetamide sodium (acne)	42			tamoxifen citrate TABS	27
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	64			tamsulosin hcl	52
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	42			TARCEVA 100 MG, 150 MG	
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	42				

(erlotinib hcl)	26	TEPADINA 15 MG (thiotepa)	24	thiothixene	34
TARGRETIN (bexarotene (topical)) 44		TEPMETKO	30	THYMOGLOBULIN	60
TARGRETIN (bexarotene)	31	terazosin hcl	20	THYROGEN 0.9 MG	47
TASIGNA 150 MG, 200 MG	30	terbinafine hcl TABS	18	tiagabine hcl	13
TASIGNA 50 MG	30	terbutaline sulfate SOLN	10	TIBSOVO	30
tasimelteon CAPS	55	terbutaline sulfate TABS	10	tigecycline	68
tavorole	43	terconazole vaginal CREA	73	timolol maleate (ophth) SOLG	63
TAVALISSE	53	terconazole vaginal SUPP	73	timolol maleate (ophth) SOLN	63
tazarotene CREA 0.1 %	44	teriflunomide	67	timolol maleate TABS	37
TAZVERIK	30	teriparatide SOPN	49	tiopronin TBEC 100 MG	52
TECARTUS	26	TERIPARATIDE SOPN	49	tiopronin TBEC 300 MG	52
TECENTRIQ	26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	tiotropium bromide monohydrate CAPS	9
TEFLARO	39	testosterone cypionate SOLN IM ...	7	TIVICAY TABS	35
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		testosterone enanthate SOLN IM ...	7	tizanidine hcl CAPS	62
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		tetrabenazine	67	tizanidine hcl TABS	62
TEGSEDI	67	tetracycline hcl CAPS	68	tobramycin (ophth) SOLN	64
telmisartan	20	THALOMID	60	tobramycin NEBU	2
telmisartan-amlodipine	21	theophylline ELIX	10	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21	theophylline SOLN	10	tobramycin-dexamethasone SUSP 64	
temazepam 15 MG, 30 MG	54	theophylline TB12	10	TODAY SPONGE MISC	73
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	54	theophylline TB24	10	tolcapone	33
TEMODAR CAPS 250 MG (temozolomide)	24	THERANATAL CORE NUTRITION TABs	62	tolmetin sodium CAPS	4
TEMODAR SOLR	24	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	52	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
temozolomide CAPS	24	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	52	TOLSURA CAPS	18
temsirolimus	30	thioridazine hcl	34	tolterodine tartrate CP24	70
tenofovir disoproxil fumarate TABS 35		thiotepa 100 MG	24	tolterodine tartrate TABS	70
TEPADINA 100 MG (thiotepa)	24	thiotepa 15 MG	24	tolvaptan TABS	50
				topiramate CPSP 15 MG	12

topiramate CPSP 25 MG	12	TRECTOR	23	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	41
topiramate CS24	12	TRELEGY ELLIPTA	10	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	48
topiramate TABS 200 MG	13	TRELSTAR MIXJECT	27	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	48
topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	13	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	44	triamterene CAPS	48
topiramate TABS 50 MG	13	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML ...	44	triazolam	54
topotecan hcl SOLN	32	TREMFYA SOLN	44	TRICARE TABS	62
TOPOTECAN HCL SOLN	32	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	44	trientine hcl 250 MG	60
topotecan hcl SOLR	32	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML ...	44	trifluoperazine hcl TABS	34
toremifene citrate	27	treprostinil SOLN IJ	38	trifluridine	64
TORISEL (temsirolimus)	30	tretinoin (chemotherapy)	31	trihexyphenidyl hcl SOLN	33
torseamide TABS	48	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	42	trihexyphenidyl hcl TABS	33
TOTECT	32	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % ...	42	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .	15
TRACLEER TBSO	38	tretinoin microsphere 0.1 %	42	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15
tramadol hcl TABS 50 MG	6	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	25	TRIKAFTA TBPK	68
tramadol hcl TB24	6	triamcinolone acetonide (mouth) ..	61	trimethobenzamide hcl CAPS	18
tramadol-acetaminophen	7	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	63	trimethoprim TABS	21
trandolapril 1 MG, 2 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	46	trimipramine maleate CAPS	15
trandolapril 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	46	TRINTELLIX	14
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	46	TRISENOX (arsenic trioxide)	31
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	46	TRIUMEQ TABS	35
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	54	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	46	TRIZIVIR	35
tranexamic acid TABS	54	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	46	TRODELVY	32
tranylcypromine sulfate	13	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	46	TROJAN MAGNUM MISC	56
travoprost SOLN	65			TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	56
TRAZIMERA	26			TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT	
trazodone hcl TABS	14				
TREANDA SOLR (bendamustine hcl)	24				

MISC	56	LARGE MISC	57	UCERIS (budesonide (intrarectal)) .	7
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	56	TRUSTEX		UDENYCA ONBODY SOSY	54
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL		LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA		UDENYCA SOAJ	54
MISC	56	STRENGTH MISC	57	UDENYCA SOSY	54
tropicamide SOLN 0.5 %	63	TRUSTEX		UNITUXIN	26
tropicamide SOLN 1 %	63	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	57	UPTRAVI TABS 200 MCG	38
tropium chloride CP24	70	TRUSTEX NATURAL CONDOMS		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600	
tropium chloride TABS	70	+LUBE/LUBRICATED MISC	57	MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200	
TRUE COVER DEVI	56	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-		MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	38
TRUE METRIX BLOOD		9/RIBBED/STUDDDED MISC	57	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	
GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	47	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	57	38	
TRUE METRIX CONTROL		TRUSTEX/RIA LUBRICATED		ursodiol CAPS	51
SOLUTION LEVEL 3 SOLN	58	SPERMICIDE MISC	57	ursodiol TABS	51
TRUE METRIX SELF MONITORING		TRUSTEX/RIA		UVADEX	31
BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	48	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	57	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	36
TRUETRACK TEST STRP	48	TRUXIMA 100 MG/10ML	26	valacyclovir hcl 500 MG	36
TRULICITY	16	TRUXIMA 500 MG/50ML	26	VALCHLOR	44
TRUQAP TABS	30	TUKYSA	26	valganciclovir hcl TABS	36
TRUQAP TBPK	30	TURALIO	30	valproate sodium SOLN OR 250	
TRUSELTIQ	30	TUZISTRA XR	41	MG/5ML, 500 MG/10ML	13
TRUSTEX COLOR CONDOMS +		TWINRIX SUSY	73	valproic acid CAPS	13
LUBE MISC	57	TWIRLA	40	valrubicin	28
TRUSTEX LUBRICATED		TYBLUME CHEW	40	valsartan TABS	20
EXTRALARGE MISC	57	TYBOST	35	valsartan-hydrochlorothiazide	21
TRUSTEX LUBRICATED		TYKERB (lapatinib ditosylate)	30	VALSTAR (valrubicin)	28
EXTRASTRENGTH MISC	57	TYMLOS	49	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	57	TYVASO REFILL KIT SOLN IN	38	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	11
TRUSTEX		TYVASO SOLN IN	38	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	11
LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED		TYVASO STARTER KIT SOLN IN	38	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12
MISC	57	UBRELVY	58	vancomycin hcl CAPS	22
TRUSTEX				vancomycin hcl SOLR OR 50	
LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA				MG/ML, 250 MG/5ML	22

VANFLYTA	30	VICTOZA (liraglutide)	16	VYVANSE CAPS	1
VAQTA	73	VIDAZA SUSR (azacitidine)	25	VYXEOS	28
varenicline tartrate TABS	67	vigabatrin PACK	13	warfarin sodium TABS	10
varenicline tartrate TBPK	67	vigabatrin TABS	13	water for irrigation, sterile	61
VARIVAX SUSR	73	VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WELIREG	27
VARUBI TBPK	18	vilazodone hcl TABS	14	WESTAB PLUS TABS	62
VAXNEUVANCE	70	vinblastine sulfate SOLN	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	57
VECAMYL	21	vincristine sulfate	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	57
VECTIBIX 100 MG/5ML	26	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	57
VECTIBIX 400 MG/20ML	26	vinorelbine tartrate 50 MG/5ML ...	32	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	57
VELCADE SOLR IJ (bortezomib) ..	30	VIRACEPT TABS 250 MG	35	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	57
VELPHORO	52	VIRACEPT TABS 625 MG	35	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	57
VENCLEXTA STARTING PACK TBPK	26	VIREAD POWD	36	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	57
VENCLEXTA TABS	26	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	36	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	57
venlafaxine hcl CP24 150 MG	14	VISTOGARD	17	XALKORI CAPS	31
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	14	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	74	XALKORI CPSP	31
venlafaxine hcl CP24 75 MG	14	VITATHELY/GINGER TABS	62	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	
venlafaxine hcl TABS	14	VITRAKVI CAPS	30	XARELTO SUSR	11
venlafaxine hcl TB24 150 MG	15	VITRAKVI SOLN	30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	15	VIVIMUSTA SOLN	24	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	37	VIZIMPRO	26	XATMEP SOLN	25
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	37	VONJO	31	XELJANZ SOLN	3
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	37	VORANIGO	31	XELJANZ TABS 10 MG	3
verapamil hcl TABS	37	VORAXAZE	32	XELJANZ TABS 5 MG	3
verapamil hcl TBCR	37	voriconazole TABS	18		
VEREGEN	42	VOSEVI	36		
VERZENIO	30	VOTRIENT (pazopanib hcl)	31		
		VYNDAMAX	38		
		VYNDAQEL	38		

XELJANZ XR TB24	3	XULTOPHY 100/3.6	16	zidovudine TABS	36
XELODA (capecitabine)	25	XYNTHA	53	ZIEXTENZO	54
XEOMIN	63	XYNTHA SOLOFUSE	53	zileuton TB12	9
XERAVA	68	YERVOY	26	ziprasidone hcl	33
XGEVA SOLN	49	YONDELIS	24	ZIRABEV	26
XHANCE EXHU	63	YONSA	27	ZIRGAN GEL	64
XIFAXAN 200 MG	21	zafirlukast	9	ZOLADEX 10.8 MG	27
XIFAXAN 550 MG	21	zaleplon 10 MG	55	ZOLADEX 3.6 MG	27
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15	zaleplon 5 MG	55	zoledronic acid CONC	49
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	16	ZALTRAP 100 MG/4ML	26	zoledronic acid SOLN	49
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	16	ZALTRAP 200 MG/8ML	26	ZOLINZA	31
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZANOSAR	24	zolmitriptan SOLN	59
XOFIGO	31	ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	13	zolmitriptan TABS	59
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZARXIO	54	zolmitriptan TBDP	59
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9	ZEJULA CAPS	31	zolpidem tartrate TABS	55
XOLAIR SOLR	9	ZEJULA TABS 100 MG	31	zolpidem tartrate TBCR	55
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	31	zonisamide CAPS	13
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9	ZELBORAF	31	ZONTIVITY	53
XOSPATA	31	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	48	ZORBITIVE SC	49
XPOVIO	28	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	48	ZYDELIG	31
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 28		ZEPZELCA	24	ZYKADIA TABS	31
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 28		ZEVALIN Y-90	26	ZYLET	64
XTAMPZA ER	6	zidovudine CAPS	36	ZYTIGA 250 MG (abiraterone acetate)	27
XTANDI CAPS	27	zidovudine SYRP	36	ZYTIGA 500 MG (abiraterone acetate)	27
XTANDI TABS	27				

